

## Lời giới thiệu

Cuộc đời của chúng ta như một cánh cửa (Vô Môn quan). Thử nghiệm mà xem, chư vị Tổ sư đã dày công khai mở như thế nào? Tưởng chừng như một việc làm vô vọng khi đứng trước một cái gì đó, không thể làm gì được. Tưởng rằng cần phải xô đẩy, phải đem hết bình sinh để lấn tới, đi qua chỗ không nơi chốn này.

Chợt một hôm nào thấy chẳng có gì đóng lại với mình. Chung quanh là không gian bát ngát, chỉ tự mình tạo ra một khung cửa hẹp, một cánh cửa đóng kín đó thôi. Vô môn quan là như thế đó chăng?

Trong tập sách này, Ni sư Thuần Bạch đã dày công sưu tập biên soạn, chỉ mong đóng góp một phần nhỏ vào tư liệu thiền bằng tiếng Việt. Xin được trân trọng tri ân Giáo sư Trần Tuấn Mẫn cho phép sử dụng bản dịch từ Hán văn. Xin được niệm ân những tài liệu Anh văn mà soạn giả chấp bút với tất cả tấm lòng của mình. Và cuối cùng, tri ân đời sống thiền sinh tu sĩ đã gọi hứng rất nhiều cho một cuốn sách hiện hữu.

Viên Chiếu, cuối năm 2012

## LỜI ĐẦU SÁCH

Hai thiền thư Bích Nham Lục và Vô Môn Quan, đối với người tu thiền không thể không tìm hiểu, dù có thực tập theo pháp môn công án hay không. Riêng Vô Môn Quan là tuyển tập cô đọng và súc tích nhất, phản ảnh nhịp sống thực tế giữa thầy và trò dưới một mái chùa hoặc gặp gỡ nhau trên đường hành khước. Do đó, không ngại kinh nghiệm ít ỏi và sở học giới hạn, chúng tôi mạnh dạn xin giới thiệu.

Chúng tôi chân thành biết ơn Giáo sư Trần Tuấn Mẫn, các tác giả K. Sekida, T. Cleary và Z. Shibayama, nếu không có tài liệu dịch thuật và trước tác của các ngài, quyển sách này không thể hình thành.

Và trên hết, nếu không đủ phước duyên có bậc thầy sáng suốt đã mở đường chỉ lối là Hòa Thượng Tôn Sư Thích Thanh Từ hun đúc và giáo dưỡng, không bao giờ chúng tôi có thể dự phần vào hàng ngũ người học và tu thiền. Ơn thầy là ơn khó đền.

Kính ghi,  
Thích Nữ Thuần Bạch

## CON CHÓ của TRIỆU CHÂU

### Cử:

**Tăng hỏi hòa thượng Triệu Châu: “Con chó có Phật tánh hay không?”**

**Triệu Châu đáp: “Không.”<sup>1</sup>**

### Bình:

Tham thiền phải qua lọt cửa Tổ<sup>2</sup>, diệu ngộ<sup>3</sup> phải dứt tuyệt đường tâm<sup>4</sup>. Ai không qua lọt cửa Tổ và không dứt tuyệt đường tâm thì chỉ là bóng ma bám cây nương cỏ<sup>5</sup>.

Thử hỏi cửa Tổ là gì? Chỉ là một chữ Không, là cửa chính nhà thiền, vì thế gọi là ‘Cửa Không của Thiền tông.’ Nếu qua được cửa, chẳng những thấy được Triệu Châu mà cùng chur tổ nắm tay chung bước giao tiếp thâm mật, thấy mọi sự cùng một mắt, nghe mọi việc cùng một tai. Thật tuyệt diệu! Ai mà chẳng muốn qua được cửa ấy?

---

<sup>1</sup> Xem đối đáp đầy đủ trong phần Phụ Lục, giai thoại.

<sup>2</sup> Cửa nhị nguyên đối đãi.

<sup>3</sup> ngộ phải qua dụng

<sup>4</sup> Vọng tưởng, ý thức phân biệt.

<sup>5</sup> Bóng ma chỉ cho chúng sinh sống vất vưởng bất an, không có thực chất. Cây cỏ chỉ cho văn tự cũ rích và lòng tin suy mòn. Bóng ma bám cây nương cỏ chỉ cho người tu không phát triển thực lực nơi mình, kẹt vào lối mòn chữ nghĩa, suy lý nhị nguyên.

Hãy tham chữ Không ngày lẫn đêm với ba trăm sáu mươi xương cốt và tám vạn bốn ngàn lỗ chân lông, toàn thân phát khởi nghi đoàn. Chớ nghĩ Không là không ngo hoặc là trái với có. Tham như thể nuốt phải hòn sắt nóng, muốn nhả ra mà không nhả được.

Hãy buông hết tri giác<sup>6</sup> tệt hại từ xưa nay. Lâu ngày công phu thuần thực, tự nhiên trong ngoài<sup>7</sup> thành một phiến. Chỉ một mình tự biết như người cầm nằm mộng<sup>8</sup>. Thành linh bùng vỡ làm long trời lỗ đất, như thể đoạt được thanh long đao của Quan Vũ.

Gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ<sup>9</sup>, được tự tại bên bờ sanh tử và du hí tam-muội<sup>10</sup> nơi sáu cõi<sup>11</sup> trong bốn thai<sup>12</sup>.

Vậy làm sao công phu? Hãy đề khởi một chữ KHÔNG này. Nếu hành trì không gián đoạn sẽ tỏ sáng<sup>13</sup> như ngọn đuốc Pháp vừa châm đã bùng cháy.

Tung:

---

<sup>6</sup> Hiểu biết phân biệt đối đãi.

<sup>7</sup> Đối đãi hai bên.

<sup>8</sup> Cảm nhận được nhưng không nói ra lời được.

<sup>9</sup> *Gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ*: Nhổ hết danh xưng ý niệm, dù là Phật hay Tổ.

<sup>10</sup> Thông dong tự tại và an lạc trong mọi hoàn cảnh dù thuận hay nghịch.

<sup>11</sup> Trời - người - A tu la - súc sanh - ngã quỷ - địa ngục.

<sup>12</sup> Trú�ng - thấp - hóa - bào thai.

<sup>13</sup> Chứng ngộ.

*Con chó Phật tánh*

*Nêu hết chỉ hết*

*Vừa nói có không*

*Bỏ thân mất mạng.*

### Giải thích:

Triệu Châu là địa danh ở phía Bắc Trung Hoa, và thiền sư Tùng Thẩm (778-897) cư ngụ tại chùa Quan Âm Viện ở châu Triệu. Khi còn trẻ đã đến tỉnh Chiết học đạo với Nam Tuyên và kiến tánh lúc 18 tuổi.

Khi Nam Tuyên tịch Sư 57 tuổi. Bốn năm sau Sư đi hành khước với quyết tâm đào sâu và tinh lọc sở ngộ và thường tự nhủ: “Đứa bé bảy tuổi hơn ta, ta học nó; ông già trăm tuổi chẳng bằng ta, ta dạy họ.”

Năm 80 tuổi Sư trụ viện Quan Âm ở Triệu Châu giáo hóa bốn phương, nổi tiếng ‘Thiền chiếu trên môi sáng trên lưỡi’. Đến năm 120 tuổi Sư viên tịch.

Chúng ta có thể xem xét công án trên nhiều phương diện:

### Về mặt lý thuyết:

1/ Con chó tượng trưng cho người chưa ngộ, trong khi Phật tánh chỉ cho bản thể giác ngộ đồng thời khả năng chứng ngộ.

Ở mức độ sơ đẳng, câu “Con chó không có Phật tánh” muốn nói rằng có sự khác biệt giữa bản tính loài vật với tánh giác nơi loài người. Loài vật không hoàn toàn ý

thức, chúng phản ứng theo bản năng và thói quen mà không hiểu tại sao. Tánh giác chính là bản thể của tâm ý thức: nhận thấy và nhận hiểu rất là trực tiếp.

Câu hỏi trong công án có thể hiểu là “Vấn đề tỉnh giác trong khi tập nghiệp và vọng tưởng vẫn còn trong tâm có thể xảy ra không?” Ở đây Triệu Châu nói ‘Không’. ‘Không’ không phải chỉ đơn thuần là “không thể được” mà có nghĩa dùng bật vọng niệm, tư duy. “Không” dành cho người hỏi, không phải cho câu hỏi.

2/ Chữ KHÔNG trong câu đáp của Triệu Châu dù nghĩa đen là “không có” tức trái nghịch với “có” nhưng thực nghĩa trên mặt lý thuyết thì siêu vượt nhị nguyên có/không, và đây là thể tánh, nơi loài hữu tình gọi là Phật tánh hay tánh giác, nơi mọi vật gọi là Pháp tánh. Đức Phật ngay khi thành đạo đã tuyên bố ‘Tất cả chúng sanh đều có đức tướng và trí huệ của Như Lai.’ Vị tăng đã biết nhưng còn nghi nên muốn nương nơi một thiền sư – trường hợp này là Triệu Châu – chỉ ra.

Đây là câu hỏi khó nắm bắt, không thể trả lời là “có” hay “không”, bởi vì vị tăng không phải hỏi để hiểu trên bình diện tri thức hay ý niệm mà muốn thực hành làm sao chúng ngộ Phật tánh, tức kiến tánh.

Muốn tham công án này, trước tiên ta phải đặt mình ‘là’ vị tăng, nghi vấn về Phật tánh không hẳn nơi con chó mà nơi chính mình.

Câu trả lời của Triệu Châu không phải là phủ định Phật tánh nơi con chó. Hiểu như thế sẽ không thể ‘thân kiến’ Triệu Châu. Khi đặt câu hỏi ‘Con chó có Phật tánh hay không?’ Là tự tạo cho mình một rào cản là ý niệm về Phật tánh. Ý niệm này có thể là lo sợ, hoài nghi hay tò mò về Phật tánh.

### Về mặt thực hành

1/ Sư nói KHÔNG ở đây là chỉ ra cho tăng con đường xóa bỏ rào cản ý niệm này, để chính mình phải tu để nhận ra Phật tánh nơi mình, chứ không phải hỏi suông và đáp suông mà được.

2/ Thiên Đồng Như Tịnh bảo: “KHÔNG như chiếc chổi sắt. Chỗ nào đang quét là có bụi bay tứ tung, và chỗ nào có bụi bay tứ tung thì quét. Càng quét càng có bụi (dẹp thô còn tế). Cho đến lúc nào không quét được nữa là chỗ ông mang hết thân tâm quét sạch.” Tức là không còn người quét và đối tượng bị quét.

Vô Môn đã tham công án này miên mật, có khi đụng đầu vào vách khi buồn ngủ hoặc vọng tưởng, đến sáu năm đại nghi đoàn mới bùng vỡ. Phát xuất từ kinh nghiệm ngộ này cho nên lời bình hướng dẫn thiền sinh của Vô

Môn rất thông suốt. Vô Môn muốn diễn tả tiến trình ứng dụng KHÔNG như phương pháp chú tâm cao độ để tâm tỏ sáng và dừng lặng. Lúc đó không những vọng niệm bật hết mà tư kiến về thực tại cũng rơi rụng. Đây là phương tiện tháo mở tâm khỏi giới hạn của định kiến và tập khí niệm tưởng.

Ban đầu thực tập như sau: Quan sát tâm, mỗi khi phát hiện “con chó” niệm tưởng chạy lang thang, hãy đề khởi KHÔNG.

Nếu lạm dụng KHÔNG – xem như cách thực tập phủ nhận – sẽ khiến tâm vô ký và đóng cửa thực tại thay vì làm cho tâm tỏ sáng và mở cửa thực tại.

Vô Môn nói rõ trong lời bình: “Chớ nghĩ KHÔNG là không ngờ hoặc là trái với có.” Tập thiền buông bỏ niệm tưởng này chỉ là phương tiện tạm thời, nếu lạm dụng có thể đưa đến tình trạng “bị nhiễm độc bởi chất men trầm không trệ tịch,” một kiểu bệnh lý về ảo tưởng giải thoát do gây mê tâm lý.

Bài tụng của Vô Môn cũng cảnh báo “*Vừa nói có không/Bỏ thân mất mạng,*” vì kẹt vào đối đãi có/không.

Điểm sai lầm đặc biệt khi thực tập lặp đi lặp lại KHÔNG ở chỗ có khuynh hướng cho chúng ta một chứng nghiệm giả mạo về tánh không, đó chỉ là một trạng thái đối khác mà không cắt đứt bản ngã tận gốc rễ. Như ngài Long Thọ



đã nói: “Tánh không nếu nhận ra một cách lầm lẫn sẽ hủy hoại người yếu đuối, giống như nắm con rắn không đúng cách hay dùng thần chú sai lạc.

\*

## PHỤ LỤC<sup>14</sup>

### HÀNH TRẠNG

*Sư là đồ đệ của ngài Nam Tuyền<sup>15</sup>, họ Hách, người quê tại làng Hách [Hương], châu Tào<sup>16</sup>, tên là Tùng Thẩm.*

*Ở phủ Trấn<sup>17</sup> có bài ký ghi nơi tháp nói: “Sư sống rất thọ, một trăm hai mươi tuổi. Gặp thời vua Võ<sup>18</sup> ngược đãi, tránh qua [chỗ an ổn], ăn trái cây mặc áo cỏ mà chẳng đổi hình thức tăng.”*

*Ban đầu Sư theo bốn sư đi hành cước. Đến Nam Tuyền, bốn sư<sup>19</sup> lễ bái trước, Sư mới lễ bái sau.*

*Nam Tuyền đang nằm trong phương trượng, thấy Sư đến liền hỏi:- Vừa rời chỗ nào?*

*Sư thưa:- Viện thụ tượng<sup>20</sup>.*

---

<sup>14</sup> Trích Triệu Châu Ngữ Lục

<sup>15</sup> Nam Tuyền Phổ Nguyên (747-834), đệ tử của Mã Tổ. Chùa của Sư ở tỉnh Chiết (bây giờ là An Huy). Sư là một trong những vị đại thiền sư thời Đường.

<sup>16</sup> Bây giờ là Quảng Đông

<sup>17</sup> Ở châu Triệu phía Bắc Trung Quốc, nơi chùa của Triệu Châu tọa lạc.

<sup>18</sup> Võ đế bắt đầu ba trận đàn áp Phật giáo trong những năm 841-846.

<sup>19</sup> Một vị tăng trong nhà thiền thường có hai vị thầy. Một vị là bốn sư độ cho mình xuất gia làm Sa-di (thường là ở gần nhà), và khi lớn sẽ tự mình tìm một vị thầy để học và tu thiền. Tên bốn sư của Triệu Châu không được biết.

<sup>20</sup> ‘Viện Thụ Tượng’ nghĩa đen là viện có đặt hình tượng. Ở đây thụ tượng có thể là tượng Phật.

*Nam Tuyên bảo:- Có thấy thụy tượng chẳng?*

*Sư thưa:- Thụy tượng thì chẳng thấy, chỉ thấy Như Lai nằm.*

*Nam Tuyên bèn ngồi dậy hỏi:- Ông là sa-di có chủ hay sa-di không chủ?*

*Sư đáp:- Sa-di có chủ.*

*Nam Tuyên bảo:- Chủ của ông ở đâu?*

*Sư thưa:- Trời đầu xuân còn lạnh, ngưỡng mong tôn thể hòa thượng luôn được muôn phúc!*

*Nam Tuyên bèn gọi Duy Na bảo:- Hãy sắp đặt chỗ riêng cho sa-di này!*

Sau khi Sư thọ giới xong, nghe tin bốn sư đang ở viện Hộ Quốc, phía tây châu Tào, Sư bèn trở về thăm. Khi Sư về tới, bốn sư cho họ Hác hay rằng con của nhà ông đi du phương đã trở về. Gia đình thân thuộc rất vui mừng, chỉ đợi ngày hôm sau đồng qua thăm.

*Sư nghe thế, bèn nói: “Lưới ái trần tục không có ngày xong, ta đã từ bỏ xuất gia, chẳng mong gặp lại.” Ngay đêm đó, Sư gói hành lý lên đường đi trước. Sư tự mang bình (bát), chổi tích (trượng) đi khắp các nơi, thường tự nhủ: “Đứa bé bảy tuổi hơn ta, ta học nó; ông già trăm tuổi chẳng bằng ta, ta dạy họ.”*

Đến tám mươi tuổi, Sư mới dừng ở viện Quán Âm, phía đông thành châu Triệu<sup>21</sup>. Chùa cách cầu đá mười dặm, Sư trụ trì khô khan trợ trợ, chỉ học theo người xưa.

*Tăng đường để trống trước sau, [hằng ngày] ăn tạm một bữa trưa, giường dây gãy một chân nên lấy khúc củi cháy làm dây buộc lại, có người muốn làm cái mới nhưng Sư không cho. Trụ trì suốt bốn mươi năm, Sư chưa từng viết một lá thư cho thí chủ.*

\*

### **Giai Thoại**

**132. Tăng hỏi:- Con chó có Phật tánh hay không?**

*Sư đáp:- Không<sup>22</sup>.*

*- Trên từ chur Phật dưới đến con kiến đều có Phật tánh. Vì sao con chó không có?*

*- Vì nó còn tánh nghiệp thức<sup>23</sup>.*

**363. Tăng hỏi: “Con chó có Phật tánh hay không?”**

*Sư đáp: “Cửa mọi nhà đều dẫn đến Trường An.”*

\*

---

<sup>21</sup> Châu Triệu ngày nay là Hà Bắc. Từ địa danh này mà Sư có tên Triệu Châu.

<sup>22</sup> Công án đầu tiên trong Vô Môn Quan.

<sup>23</sup> *Tánh nghiệp thức* là vô minh, dính mắc. Trên mặt lý giải, tánh nghiệp thức đối nghịch với Phật tánh. Đây là tâm phiền não vì phân biệt ưa/ghét.

Con CHỒN HOANG của BÁ TRƯỢNG

Cử:

Khi hòa thượng Bá Trượng giảng pháp có ông lão thường ngồi nghe theo tăng chúng. Một hôm chúng lui gót ông ở lại.

Sư (Bá Trượng) hỏi: “Người nào đang đứng đó?”

Ông đáp: “Thưa, tôi vốn chẳng phải người. Thuở xưa thời Phật Ca-diếp, tôi là thủ tọa đã ở núi này. Nhân có một học tăng hỏi ‘Người đại tu hành<sup>24</sup> có rơi vào nhân quả không?’ Tôi đáp ‘Không rơi vào nhân quả.’ Liền bị đọa làm thân chồn hoang năm trăm kiếp. Nay xin hòa thượng ban cho một chuyển ngữ<sup>25</sup> để được thoát kiếp chồn.”

Ông bèn hỏi Sư: “Người đại tu hành<sup>26</sup> có rơi vào nhân quả không?”

Sư đáp: “Không làm nhân quả.”

Vừa nghe xong ông già đại ngộ, cúi lạy thưa: “Tôi nay đã thoát thân chồn, xác còn ở sau núi. Kính mong

---

<sup>24</sup> Người đã giác ngộ.

<sup>25</sup> Lời nói cắt đứt dòng tâm thức chuyển hướng đến nhận hiểu lẽ thực và chứng ngộ.

<sup>26</sup> Người đã giác ngộ.

hòa thượng cho phép tổng táng theo nghi thức ông tăng qua đời.”

Sư bảo thầy tri sự đánh bằng báo đại chúng biết dùng cơm xong sẽ làm lễ tổng táng.

Trong chúng bàn tán: “Mọi người đều an ổn. Nhà Niết-bàn<sup>27</sup> không có ai đau ốm, sao lại có chuyện này?”

Ngộ trai xong Sư dẫn tăng chúng đến sau hóc núi lấy gậy kéo ra xác một con chồn mang đi hỏa táng. Chiều hôm đó Sư thượng đường kể chuyện lại cho mọi người nghe.

Hoàng Bá thưa hỏi: “Người xưa vì đáp sai một chuyển ngữ mà phải đọa làm chồn năm trăm kiếp. Giả sử lúc nào y cũng không đáp sai thì như thế nào?”

Sư bảo: “Lại gần đây ta nói cho nghe.”

Hoàng Bá đến gần rồi tát Sư một cái.

Sư vỗ tay cười nói: “Tưởng râu người Hồ đổ ai ngờ ở đây lại gặp người Hồ đổ râu<sup>28</sup>.”

Bình:

Chẳng rơi vào nhân quả sao lại đọa kiếp chồn? Không làm nhân quả sao lại thoát kiếp chồn? Nếu có con mắt thấy

---

<sup>27</sup> Nhà nghỉ bệnh.

<sup>28</sup> Người Hồ có râu chỉ cho tổ Đạt-ma. Câu này Bá Trượng thâm nhận Hoàng Bá.

thấu được chỗ này thì sẽ hiểu thủ tọa năm xưa có năm trăm kiếp phong lưu.

Tung:

*Không rơi không làm    Tuy hai mà một  
Không làm không rơi    Ngàn sai vạn lỗi.*

Giải thích:

Đây là loại công án nan thấu. Vì phủ nhận lý nhân quả nên quả báo phải đọa thân làm chồn. Tuy nhiên nếu đáp “có” trên mặt sự tướng là phù hợp với lý nhân quả sẽ không mắc quả báo, nhưng tâm vẫn kẹt hai bên, không thể đưa đến chứng ngộ hay giải thoát được. “Không làm nhân quả” tức rõ biết, tỉnh giác về lý nhân quả mà không kẹt hai bên có/không. Nói cách khác là có lý nhân quả nhưng không bị lý nhân quả chi phối vì đây là trường hợp “người đại tu hành” tức đã giác ngộ.

Điểm chính yếu đầu tiên trong giai thoại này là làm sáng tỏ pháp tu khán chữ KHÔNG không phải phủ nhận lý nhân quả hay luân lý đạo đức. Đại Huệ khi bình công án đầu tiên đã nói đến hậu quả của thực tập lầm lẫn KHÔNG là hành giả chối bỏ luật nhân quả và trở thành thô ác và tắc trách. Vì thế Thiền không lôi chúng ta ra

khỏi việc đang xảy ra mà giúp chúng ta thấy rõ việc đang thực sự xảy ra mà không dính mắc. Thiên tháo mở chúng ta khỏi mê lầm của niệm tưởng, mong ước và sợ hãi.

KHÔNG không phải là không ngờ mà là cửa mở vào chân lý. Cái tát của Hoàng Bá tượng trưng cho sự tháo gỡ khỏi cái khung giáo điều. Đây là một thủ thuật của nhà Thiên.

Trong lời bình của Vô Môn, mắt thấy được chỗ “chẳng rơi” và “không làm” là mắt thứ ba, tức con mắt trí huệ thấy mọi sự như đang là, vượt hai bên ‘rơi’ vào nhân quả và ‘thoát’ kiếp chôn. Một khi đã giác ngộ dù trong tướng chôn vẫn có thể tự tại phong lưu. Vô Môn đã thay cho Bá Trượng trả lời câu hỏi của Hoàng Bá.

‘Không rơi’ và ‘không làm’ tuy hai mà một bởi vì trong câu đáp lúc đầu là phủ nhận lý nhân quả, sau khi ngộ tuy thân trong kiếp chôn tâm vẫn tự tại, không bị bức bách trong nhân quả.

“Ngàn sai vạn lỗi” vì trên thế gian không một việc toàn bích, với sáng suốt và đạo lực chúng ta có thể dùng phương tiện không toàn hảo tùy hợp những việc không toàn hảo.

## PHỤ LỤC



Sư hựu là Hoài Hải, người ở Trường Lạc, Phúc Châu (nay là Phúc), họ Vương, xuất gia lúc thiếu thời, lão thông tam học<sup>29</sup>.

Khi Đại Tịch (Mã Tổ<sup>30</sup>) xiển hóa ở Giang Tây, Sư hết lòng nương về cùng với Tây Đường Trí Tạng<sup>31</sup>, Nam Tuyên Phổ Nguyên<sup>32</sup>.

1. Đến phiên Sư làm thị giả Mã Tổ, một hôm chợt thấy đàn vịt trời bay qua, Mã Tổ liền hỏi: “Áy là cái gì?”

Sư đáp: “Con vịt trời.”

Mã Tổ lại hỏi: “Bay về đâu?”

Sư đáp: “Bay qua rồi.”

---

<sup>29</sup> Giới-Định-Huệ.

<sup>30</sup> *Đại Tịch* là thụy vua phong cho Mã Tổ Đạo Nhất (709-788). Theo *Tổng Cao Tăng Truyện*, Bá Trượng tìm đến khi Mã Tổ đang dạy đạo ở Nam Kinh.

<sup>31</sup> *Trí Tạng Tây Đường* (729-809) theo học với Mã Tổ khi Mã Tổ giáo hóa lần đầu tiên ở tỉnh Phúc, giữa những năm 740. Sư ở lại hầu Mã Tổ cho đến khi Mã Tổ được mời về quốc tự Quan Âm miền Hồng Châu khoảng năm 777. Dù là một trong những đệ tử lớn của Mã Tổ, mãi đến năm 791 Sư mới dạy đạo. Sư có bốn đệ tử nổi pháp.

<sup>32</sup> *Nam Tuyên Phổ Nguyên* (747-834), một trong những đệ tử sau cùng và nổi tiếng nhất của Mã Tổ. Sư học pháp và tu thiền đã hai mươi năm rồi mới đến học với Mã Tổ và được “tự tại”. Những năm cuối đời của Mã Tổ, Sư đứng đầu tám trăm đệ tử, và nghe nói là chẳng ai dám chất vấn Sư. Khoảng năm 795, Sư bỏ lên núi Nam Tuyên ở Chiết Giang thuộc tỉnh An Huy, tự kiếm sống, ẩn tu hơn ba mươi năm không hề xuống núi. Sau cùng Sư nhận lời mời ‘nhập thế’ dạy đạo, đệ tử hàng trăm người. Sư có mười bảy đệ tử nổi pháp, đệ nhất là Triệu Châu Tùng Thẩm (778-897), một trong những vị lỗi lạc nhất.

Mã Tổ xoay đầu nắm lỗ mũi Sư vắn mạnh một cái, đau quá Sư la thất thanh.

Mã Tổ bảo: “Sao không nói bay qua rồi đi!”

Ngay câu nói ấy Sư có tỉnh. Trở về liêu thị giả Sư khóc thảm thiết.

Người đồng sự thấy vậy hỏi:- Huynh nhớ cha mẹ chẳng?

Sư đáp:- Không

- Bị người chửi mắng chẳng?

- Không.

- Vì sao huynh khóc?

- Mũi tôi bị đại sư vắn mạnh, hết sức đau đớn!

Người đồng sự hỏi:

- Có nhân duyên gì không khế hợp<sup>33</sup> chẳng?

Sư nói: “Các huynh cứ đi hỏi hòa thượng!”

Những vị ấy bèn đến hỏi đại sư: “Thị giả Hải có nhân duyên gì không khế hợp mà khóc trong liêu. Xin hòa thượng vì chúng con nói.”

---

<sup>33</sup> *Có nhân duyên gì không khế hợp* (với lẽ thực, hay với vị thầy đã ngộ đạo). Chữ Hán “nhân duyên - yin-yuan” được dùng để chỉ hoàn cảnh, biến cố, việc xảy ra; ở đây là một “câu chuyện.” Bất kỳ “công án” nào dạy thiền về những câu nói và cách hành xử đều được coi là “nhân duyên”. Chữ *khế hợp* có nghĩa là hợp nhất, ăn khớp, trong trường hợp này là tâm gặp tâm. Chữ này thường được dùng trong văn bản thiền để chỉ sự lĩnh hội hay ngộ nhập.

Đại sư bảo:- Y đã ngộ, các ông hỏi thẳng y!

Những vị ấy trở về liêu nói với Sư:- Hòa thượng nói huynh đã ngộ, bảo chúng tôi hỏi thẳng huynh.

Sư bèn cười ha hả. Đồng sự hỏi:- Vừa rồi khóc, sao giờ lại cười?

Sư nói:- Vừa rồi khóc, bây giờ cười.

Những vị ấy mờ mịt.

Ngày hôm sau, Mã Tổ lên Pháp đường. Chúng vừa nhóm họp xong, Sư bước ra cuốn chiếu<sup>34</sup>. Mã Tổ liền xuống tòa. Sư đi theo đến phương trượng.

Mã Tổ hỏi: “Vừa rồi ta chưa nói điều gì, vì sao ông cuốn chiếu?”

Sư đáp: “Hôm qua bị hòa thượng vặn mạnh chóp mũi đau quá!”

Mã Tổ hỏi: “Hôm qua ông để tâm về chỗ nào?”

Sư đáp: “Chóp mũi ngày nay lại không đau.”

Mã Tổ nói: “Ông rõ việc hôm qua rồi!”

Sư làm lễ rồi lui ra.

---

<sup>34</sup> Chiếc chiếu thường được trải trước tòa ngồi của thiền sư trong Pháp đường, là chỗ dành lễ nếu có người trong đám đông ra thưa hỏi (trước và sau khi hỏi). Cuốn chiếu có nghĩa là buổi giảng pháp đã xong.

Sư tái tham, đến phiên đứng hầu. Mã Tổ chăm chú nhìn cây phát tử bên góc thiền sàng.

Sư hỏi: “Đây là dụng hay đây lia dụng?”

Mã Tổ bảo:- Về sau, ông mở miệng thế nào để dạy bảo người?

Sư lấy cây phát tử đưa lên.

Mã Tổ bảo:- Đây là dụng hay đây lia dụng.

Sư treo cây phát tử về chỗ cũ. Mã Tổ chấn chỉnh oai nghi hét một tiếng, mãi đến ba ngày Sư vẫn còn điếc tai.

**10.** Đến giờ tham vấn buổi chiều, Sư thuật lại sự việc trước (chuyện con chồn hoang).

Hoàng Bá liền hỏi: “Cổ nhân làm đôi đáp một chuyển ngữ bị đọa làm thân chồn, ngày nay nếu có người từ trước đến giờ chuyển ngữ nào cũng không đáp sai thì như thế nào?”

Sư bảo: “Lại gần đây ta sẽ nói cho ông.”

Hoàng Bá đến gần đánh Sư một cái.

Hoàng Bá biết trước Sư sẽ không “nói” mà có thể “đánh”, bởi vì đến chỗ liên quan đến chuyển ngữ thì không lời lẽ nào có thể diễn bày được, nếu có nói ra cũng chỉ để dèp ngôn ngữ. Nhận ra điều này nên Hoàng Bá liền “đánh” Sư. Hai thầy trò tâm và tâm gặp nhau.

Sư vỗ tay cười lớn, nói: “Tuởng rằng kẻ Hồ tóc đỏ, lại có tóc đỏ kẻ Hồ<sup>35</sup>.”

2. Từ đây tiếng tăm vang xa, đàn việt thỉnh Sư đến núi Đại Hùng ở Hồng Châu, thuộc phạm vi Tân Ngô. Bởi chỗ ở nơi ngọn núi này cao vút, nên mới gọi Sư là Bá Trượng. Ở nơi ấy chưa đầy một tháng, khách tham học bốn phương đua nhau kéo đến.

Qui Sơn<sup>36</sup> và Hoàng Bá<sup>37</sup> đứng đầu trong chúng.

Một hôm nọ, Hoàng Bá đến chỗ Sư từ biệt<sup>38</sup> muốn đi đến lễ bái Mã Tổ. Sư bảo: “Mã Tổ đã thiên hóa.”

---

<sup>35</sup> “Lão Hồ râu đỏ” là tên - nguyên thủy nói đến Bồ-đề Đạt-ma, vị sơ tổ của thiền tông đến Trung Hoa vào thế kỷ thứ 5, còn được gọi là “Lão Hồ mắt xanh” - ám chỉ không phải là người Trung Hoa. Ở đây Bá Trượng nói câu này hàm ý công nhận Hoàng Bá đã ngộ đạo.

<sup>36</sup> Qui Sơn Linh Hựu (771-854) đến tham học với Bá Trượng khoảng năm 794, và làm điển tọa nhiều năm cho tông lâm. Lần đầu tiên khi Sư đến khai sơn núi Qui, ở vùng biên địa Hồ Nam, nơi đây không có người ở, trong nhiều năm Sư chỉ có khi làm bọ và ăn hạt dẻ rừng mà sống. Về sau, nhờ sự giúp đỡ của dân làng và tăng chúng từ chỗ ngài Bá Trượng, một thiền viện được xây dựng ở núi Qui, sau đó trở thành một trung tâm dạy thiền hàng đầu.

<sup>37</sup> Hoàng Bá Hi Vận (tịch 855), một trong những thiền sư sáng chói nhất, tượng truyền cao 2,10 m, trán có cục u (quý tướng), đã sẵn thông hiểu thiền. Không biết Sư sinh năm nào, thời niên thiếu cũng không rõ ràng. Sư ở trong hội Nam Tuyên Phổ Nguyên và Diêm Quan Tề An (cả hai là đệ tử nổi pháp của Mã Tổ). Khi ở chỗ Diêm Quan, Sư làm điển tọa và có gặp hoàng đế tương lai là Huyền Tông đang ẩn thân nơi đây. Có lần Hoàng Bá tát tai vua liên tiếp khi vua chất vấn. Lên ngôi, vua phong tặng Ngài tước hiệu “Vị Sư thô lỗ.” Điều làm Hoàng Bá nổi danh có lẽ nhờ quyền Hoàng Bá Truyền Tâm Pháp Yếu gồm những bài giảng theo lời yêu cầu của tướng quốc Bùi Hưu, một cư sĩ học thiền nổi tiếng; và nhờ làm thầy người đệ tử lừng danh là Lâm Tế Nghĩa Huyền (tịch 866), tổ khai sơn tông Lâm Tế.

Hoàng Bá thưa: “Con chưa biết Mã Tổ có để lại lời chi.”

Sư bèn thuật lại sự việc Mã Tổ dựng phát tử; Sư nói: “Phật pháp không phải là việc nhỏ; khi ấy lão tăng bị Mã Đại sư hét một tiếng, mãi đến ba ngày vẫn còn điếc tai.”

Hoàng Bá nghe nói bất giác le lưỡi.

Sư nói: “Về sau ông kế thừa Mã Tổ chẳng?”

Hoàng Bá thưa: “Không dám! Hôm nay nhân thầy thuật lại con mới thấy được đại dụng đại cơ của Mã Tổ, song vẫn không biết Mã Tổ. Nếu về sau con kế thừa Mã Tổ, con cháu mất hết.”

Sư bảo: “Đúng thế! Đúng thế! Chỗ thấy bằng thầy thì kém thầy nửa đức, chỗ thấy hơn thầy mới kham truyền thụ.

“Ông ắt có cái thấy vượt hơn thầy<sup>39</sup>.”

---

<sup>38</sup> Ta có thể hiểu một cách giản dị: “Ngày nọ Sư đến từ biệt...” Chúng ta thường đọc hiểu theo như lời bình của ngài Viên Ngộ Khắc Cần trong tác thứ 11 Bích Nham Lục. Điều nêu ra trong câu chuyện trên là tư chất sáng chói, hiểu thiền tự nhiên của Hoàng Bá. Không biết rõ sau này Hoàng Bá ở lại với Bá Trượng bao lâu; không rõ ngộ đạo nơi Bá Trượng hay chỗ khác.

<sup>39</sup> Trách nhiệm của vị thiền sư là trao truyền, hoặc chứng nhận giác ngộ cho đệ tử xứng đáng. Đệ tử này cũng sẽ truyền pháp lại cho đệ tử đời sau. Như vậy, chỗ thấy của người đệ tử phải bằng thầy khi nhận ra được nguồn tâm, nhưng cuối cùng phải ‘vượt qua thầy’ về sự canh tân cách dạy mới kham truyền trao cho người sau.

“Kém thầy nửa đức” có nghĩa là nếu người nối pháp (bây giờ là thầy) không tìm được đệ tử truyền thừa, thì chính trên một phương diện nào đó, vị thầy này đã không làm tròn nhiệm vụ đào tạo đệ tử thành tựu việc tu (trong nhà thiền gọi là ‘xong việc’), và trong ‘nửa đức của thầy’ (giúp đỡ người khác) vị thầy này đã thiếu sót (dù là bản thân thầy đã được giải thoát ra khỏi phiền não mê lầm).

**21.** Sư chấp tác chịu khó nhọc, thường dẫn đầu trong chúng. Cả chúng bắt nần nên một buổi sáng thu dấu dụng cụ, thỉnh Sư nghỉ.

Sư bảo: “Ta không đức hạnh gì, đâu dám đùn việc cho người?”

Sư kiểm dụng cụ làm việc cùng khắp không được, rồi cũng không chịu ăn, nên mới có câu: “Một ngày không làm, một ngày không ăn” lưu bá khắp nơi.

Vào đời Đường, ngày 17 tháng giêng, niên hiệu Nguyên Hòa năm thứ 9 (814 TL) Sư thị tịch, thọ 95 tuổi. Năm đầu niên hiệu Trường Khánh (821TL), vua sắc thụy là Đại Trí Thiên Sư, thụy hiệu là Đại Thắng Bảo Luân.

\*

VMQ 3

## **NGÓN TAY của CÂU CHI (BNL 19)**

**Cử:**

**Hòa thượng Câu Chi<sup>40</sup> phàm có người tham hỏi chỉ đưa lên một ngón tay. Có chú tiểu khi ai hỏi Sư dạy pháp yếu thế nào cũng chỉ đưa lên một ngón tay. Sư hay biết bèn chặt đứt ngón tay chú. Chú quá đau vụt bỏ**

---

<sup>40</sup> Tên do ngài hay tụng Câu-chi Phật-đà thần chú, đồng thời với Lâm Tế.

chạy. Sư gọi chú. Khi chú vừa quay đầu, Sư đưa lên một ngón tay. Chú chợt đại ngộ.

Khi sắp tịch Sư nói cùng toàn chúng: “Ta được ngón tay thiền của Thiên Long cả đời dùng không hết<sup>41</sup>.”

Nói xong Sư tịch.

Bình:

Chỗ ngộ của Câu Chi cũng như chú tiểu không phải nơi ngón tay. Nếu thấy được chỗ này thì cả Thiên Long, Câu Chi, chú tiểu và chính ông cùng xâu vào một sợi.

Tung:

*Câu Chi khiến Thiên Long như độn*

*Dao bén riêng chặt tay tiểu đồng.*

*Cự Linh vẫy tay chẳng tổn sức*

---

<sup>41</sup> Khi xưa Câu Chi sống một mình dưới chân núi. Một hôm có bà ni Thực Tế đến viếng, nhiều giường thiền ba vòng, xong đứng trước mặt Câu Chi không giở nón, nói: “Nói được ta sẽ giở nón và lễ bái.” Câu Chi không nói được. Ni ra đi. Thấy trời tối Câu Chi mời Ni ở lại sáng mai hãy đi. Ni bảo: “Nói được ta ở lại.” Câu Chi không nói được. Ni ra đi. Câu Chi hổ thẹn tự nhủ ‘Ta tướng trượng phu mà tâm không trượng phu, không trả lời được câu nói của một bà Ni.’ Rồi quyết định lên đường tìm thiện tri thức. Tối hôm đó có thiện thần mách bảo đừng đi, vài hôm nữa hiện thân Bồ-tát sẽ đến. Quả nhiên hôm sau hòa thượng Thiên Long đến. Câu Chi kể lại tự sự. Thiên Long (đệ tử Đại Mai, cháu Mã Tổ) nghe xong đưa lên một ngón tay. Câu Chi chợt đại ngộ.



*Chẻ đôi Hoa Sơn vạn ngàn trùng.*

Không ai mà không có ngón tay. Câu Chi khi đưa lên một ngón tay để nhắc người hỏi – dù bất kỳ câu hỏi thế nào – rằng ai cũng có sẵn Phật tánh, chân tâm. Giống như chúng ta đang sống giữa nước mà kêu khát. Nương nơi ngón tay là đối tượng của cái thấy (kiến sắc) làm phương tiện - nhưng không dính mắc để kẹt vào hai bên năng/sở - chúng ta phản quan tự kỷ, từ đó sẽ nhận ra chân tâm (minh tâm).

Ngón tay trong trường hợp này – khi trở thành phương tiện đạt ngộ - không còn là ngón tay thường tình mà biểu hiện cả tam thiên đại thiên thế giới, thực tại không giới hạn. Với ý này, trên một bức tranh vẽ một cảnh đào độc nhất, một vị thiền sư đã viết thư pháp “Tam thiên thế giới ngát hương.”

Chú tiểu, một đệ tử của Câu Chi, bắt chước thầy cũng đưa lên một ngón tay khi có ai hỏi đạo. Phàm điều gì bắt chước tức là giả tạo. Muốn tìm sự thật đầu tiên phải loại trừ cái giả. Hành động chặt đứt ngón tay chú tiểu chính là dẹp bỏ cái giả - ý niệm cho rằng ngón tay là chân lý. Ngón tay trong trường hợp này chỉ là cái thân chết không giá trị.

Khi đau quá ‘hết biết’, tức ý thức bị đập tan, mở ngõ cho trực giác phát sinh. Chú tiểu mất đi ngón tay sinh diệt để

nhận ra ngón tay bất sinh bất diệt là tâm thể trùm khắp, không hạn cuộc nơi thân.

Trong bài tụng câu đầu ý nói trên bình diện ai cũng có sẵn Phật tánh thì không cần phải đưa lên hay chặt đứt một ngón tay. Như vậy hai hành động này xem như ‘độn’.

Hai câu cuối trong bài tụng, chỉ cái dụng của “ngón tay Câu Chi”, một khi đưa lên chẳng phí sức lực mà đưa hành giả từ mê đến ngộ. Khi ngộ rồi mới biết ‘vạn pháp quy nhất’ tức là nhất tính (thể) và khác biệt (dụng) không hai.

\*

VMQ 4

## NGƯỜI HỒ KHÔNG RÂU

**Cử:**

**Hoặc Am nói: “Tại sao người Hồ ở Tây Thiên không râu?”**

Hoặc Am Sư Thê (1108-1179), đệ tử Cảnh Nguyên Hộ Quốc, cháu Viên Ngộ Khắc Cần. Sư tịch bốn năm trước Vô Môn ra đời, và để lại bài kệ từ thể:

*Cây sắt trở bông  
trúng*

*Chim cu đẻ*

Bình:

Tham phải thực tham, ngộ phải thực ngộ. Người Hồ kia phải tận mắt thấy một lần mới được. Nếu nói thấy tận mắt đã thành hai bên.

Tung:

*Trước kẻ đang mơ*

*Chớ nên nói mộng*

*Người Hồ không râu      Sáng bị che mờ*

Hình ảnh tổ Đạt-ma, vị khai sáng thiền tông Trung Hoa thường được dùng tượng trưng cho chân tâm trong chứng nghiệm thiền. Nói Tổ là người HỒ, theo nghĩa đen, vì là người Ấn (Tây Thiên) ở ngoại quốc so với dân tộc Trung Hoa. Nhưng “người Hồ không râu” nghĩa tượng trưng là chỉ cho chân tâm thể tánh, vì khác xa với vọng tâm theo nghiệp duyên hằng ngày. Hoặc Am đặt câu hỏi ngược lại thói thường là tổ ‘không râu’ cố ý tạo nghi vấn trên nhị nguyên có/không. Tu phải vượt qua chỗ này, vì bộ râu không phải chính là tổ, tức không liên hệ đến Phật tánh nơi tổ (Chiếc áo không làm nên thầy tu.)

“Người Hồ kia phải tận mắt thấy” tức là thấy tánh, giác ngộ. Tuy nhiên nếu chỉ “nói” tức có phân biệt đối đãi hai bên.

Vì vậy trong bài tụng Vô Môn bảo “*Chớ nên nói mộng / Trước kẻ đang mơ,*” y sẽ cho đó là thực. Ngay câu nói của Hoặc Am “*Người Hồ không râu*” nếu chúng ta không tự thể nghiệm thì chỉ che mờ ánh sáng (chân tánh) nơi mình.

\*

VMQ 5

## HƯƠNG NGHIÊM LEO CÂY

### Cử:

Hòa thượng Hương Nghiêm nói: “Nhu người trên cây, miệng cắn vào cành, tay chân lơ lửng. Phía dưới cây có người hỏi ý Tây lai. Không đáp thì phụ người hỏi, còn đáp lại thì thân mất mạng. Vậy phải làm sao cho đúng thời?”

### BÌNH:

Dù có biện tài trôi chảy vẫn không dùng được. Giảng được một đại tạng kinh cũng vô ích. Nếu thực sự đáp được chỗ ấy thì sẽ cứu sống người chết<sup>42</sup> và giết chết người

---

<sup>42</sup> Đánh thức người mê hoặc phá bỏ mê lầm, dọn đường cho chứng ngộ.

sống<sup>43</sup>. Nếu chưa đáp được hãy đợi sau này hỏi Phật Di-lặc<sup>44</sup>.

*Tung:*

*Hương Nghiêm thật đồ soạn<sup>45</sup>      Ác độc quả vô hạn<sup>46</sup>  
Bít lấp cả miệng tăng<sup>47</sup>      Khiến mắt quỷ trợn  
trùng<sup>48</sup>.*

Hương Nghiêm Trí Nhân (810-898), đệ tử Qui Sơn Linh Hựu. Kinh điển uyên bác ‘hỏi một đáp mười’, nhưng khi Qui Sơn hỏi ‘Cái gì là bản lai diện mục trước khi cha mẹ sinh?’ không đáp được, liền mang kinh sách đốt sạch và nói rằng ‘Bánh vẽ không no được bụng đói.’

Rồi Sư đi đến tháp Quốc Sư Huệ Trung quét lá làm ‘tăng com cháo’ thường ngày, nhưng trong tâm vẫn ôm mối nghi về bản lai diện mục.

Một hôm đang quét sân làm văng viên sỏi vào bụi tre nghe tiếng ‘cốc’, Ngài hoá nhiên đại ngộ.

---

<sup>43</sup> Buông bỏ vọng tưởng, kiến chấp nhị nguyên.

<sup>44</sup> Kinh nói sau Phật Thích-ca nhập diệt 5,670 triệu năm, Phật Di-lặc ra đời. Ý nói dù lâu xa như vậy vẫn phải cố gắng tu đến chứng ngộ.

<sup>45</sup> Tào lao, lung tung. Ý nói Hương Nghiêm giảng bầy để trặc nghiệm thời nhân.

<sup>46</sup> Vì qua được thì giải thoát, không qua thì trầm luân sanh tử.

<sup>47</sup> Không nói được.

<sup>48</sup> Đến đây nếu không ngộ, chỉ là loài ma quỷ mắt trợn trùng vì sợ hãi.

Qua kinh nghiệm năm xưa ở Qui Sơn không đáp được câu hỏi “Cái gì là Bản Lai Diện Mục?” Hương Nghiêm đưa ra công án này để hỏi học nhân

Tuy miệng cắn vào cành – chỉ cho hiểu biết kinh điển - mà tay chân lơ lửng không chỗ bám, chỗ nương – dụ cho không thể nhờ văn tự sông mà chúng ngộ giải thoát được. Hương Nghiêm ở đây giảng cái bẫy nhị nguyên đáp/không đáp, chết/sống. Nếu đáp mà chưa nhận ra thể tánh KHÔNG thì chỉ là cái thầy chết.

Trong hai câu cuối bài kệ, “Bít lấp cả miệng tăng” chặn đứng con đường ngôn ngữ ý thức khiến cho “mắt quỉ” phải “trợn trừng” vì không còn bám víu vào thói quen mê muội của niệm tưởng.

Muốn được an lạc trong mọi hoàn cảnh điều cần yếu là làm sao sống hài hòa, đúng chỗ đúng thời, tức thấy biết như thị, như đang là, trở về cái hiện tiền, không niệm tưởng, không ý thức phân biệt.

\*

VMQ 6

## THỂ TÔN NIÊM HOA

Cử:

**Thế Tôn xưa trên hội Linh Sơn đưa lên cảnh hoa trước chúng<sup>49</sup>. Mọi người lặng thinh, riêng tôn giả Ca-diếp gương mặt rạng rỡ mỉm cười<sup>50</sup>.**

**Phật bảo: “Ta có chánh pháp nhãn tạng<sup>51</sup>, Niết-bàn diệu tâm<sup>52</sup>, thực tướng vô tướng<sup>53</sup>, pháp môn vi diệu<sup>54</sup>, bất lập văn tự<sup>55</sup>, giáo ngoại biệt truyền<sup>56</sup>, trao phó cho Ca-diếp.”**

Bình:

Lão Cồ-đàm mặt vàng<sup>57</sup> bắt kẻ mọi người, khiến người tốt thành xấu, treo đầu dê bán thịt chó, xem ra cũng là kỳ đặc.

Nếu như lúc đó cả đại chúng đều mỉm cười thì Chánh pháp nhãn tạng truyền trao cho ai? Hoặc giả Ca-diếp không mỉm cười làm thế nào truyền được chánh pháp nhãn tạng?

---

<sup>49</sup> Chỉ ra tánh thấy.

<sup>50</sup> Nhận ra tánh thấy.

<sup>51</sup> Chánh pháp là kho tàng trí huệ, là thực tại siêu vượt thời không gian; nhãn là mắt tượng trưng sự sáng suốt.

<sup>52</sup> Niết-bàn là cứu cánh của Đạo bất sanh bất diệt, ngay nơi tâm, không thể nghĩ bàn.

<sup>53</sup> Tướng thực các pháp, tức là thể tánh, không có hình tướng.

<sup>54</sup> Pháp tu nhiệm mầu vì không theo thứ lớp mà chỉ thẳng đến giác ngộ thành Phật.

<sup>55</sup> Pháp tu này siêu vượt tri thức, không phải nhờ ngôn ngữ kinh điển (ngón tay) mà được giác ngộ (mặt trăng).

<sup>56</sup> Pháp tu này thầy truyền, tức là ấn chứng, cho trò từ tâm qua tâm bằng tâm (Dĩ tâm ấn tâm). Có tính cách thâm mật không nhờ giáo điển.

<sup>57</sup> Đức Phật Thích-ca.

Nếu nói chánh pháp nhãn tạng có truyền thụ thì lão Mặt Vàng khéo miệng dối gạt người; nếu nói không truyền thụ sao lại giao phó cho Ca-diếp?

*Tung:*

*Hoa vừa đưa lên      Đã lộ đuôi rồi<sup>58</sup>.*

*Ca-diếp mỉm cười; Trời người ngơ ngác<sup>59</sup>.*

Đây là công án điển hình về truyền thừa trong nhà Thiền. Tuy nói “truyền” nhưng thực ra căn bản dựa vào chứng nghiệm thực tế của mỗi người, đúng hơn đó là sự “đồng nhất” giữa thầy và trò, tương đồng trên cùng một nền tảng chân lý. Như người xưa đã nói “Giống như nước rót từ bình này qua bình khác.” Hoặc một cổ đức bảo: “Khi ta thấy với tâm không, đóa hoa đưa lên chính là Ta.” Hoặc như kinh Pháp Hoa: “Hội Linh Thứu đang diễn ra tại đây.” Nghĩa là ngay đây và bây giờ, trước mặt chúng ta.

Cả hội chúng ngơ ngác vì không “nghe” được buổi thuyết pháp bằng trái tim và tâm hồn. Chỉ duy Đại Ca-diếp “nghe” được bài Pháp vô ngôn nên mỉm cười. Phật nói mà vô ngôn, Ca-diếp nghe mà vô thanh. Đó là sự đồng nhất ẩn mật giữa thầy và trò. Ca-diếp đã chứng đạo khi gặp Phật; đồng thời ngài nhận thấy đức Phật đã giác

---

<sup>58</sup> Đã bật mí điều bí mật, tức chỉ ra thâm nghĩa siêu vượt sắc tướng, ngôn ngữ văn tự.

<sup>59</sup> Vì không hội thâm nghĩa trong hành động của Thế Tôn.



ngộ cũng như đức Phật nhận thấy ngài giác ngộ.

Chính câu đầu lời bình của Vô Môn chỉ ra điều trên, cái như thị tuyệt đối – chân như – khi mọi niệm tưởng phân biệt không vói đến và mọi sự đều bình đẳng nhất như, “bất kể mọi người, khiến người tốt thành xấu, treo đầu dê bán thịt chó.”

Trong lời bình kế tiếp Vô Môn có ý dạy chúng về việc truyền thụ chánh pháp là pháp không thể truyền. Về hình tướng thấy in tuồng có truyền trao có thụ nhận, nhưng thực tế Phật tánh mỗi người vốn có và mỗi người phải tự khai phát.

Giải thích như thế vẫn là chữ nghĩa, không chỉ ra được thực tại. Nếu diễn tả khác hơn, chỉ thẳng thì thực tại đang hiện hữu ngay đây và bây giờ, trước mắt chúng ta. Nếu chúng ta buông đi cái ngã thì nó sáng ngời. Đức Phật thành đạo dưới cội Bồ-đề chỉ là “nó”, và sự truyền thừa từ Phật đến Phật, từ thầy đến thầy, từ thầy đến trò cũng chỉ là “nó”.

\*

VMQ 7

## TRIỆU CHÂU RỬA BÁT

Cử:

**Tăng hỏi Triệu Châu: “Con mới vào chùa, xin thầy chỉ dạy.”**

**Triệu Châu hỏi: “Ăn cháo chưa?”**

**Tăng đáp: “Thưa ăn rồi.”**

**Triệu Châu: “Rửa bát đi!”**

**Tăng nghe qua có tỉnh.**

Thủ thuật của Triệu Châu là không nói triết lý cao siêu mà chỉ ra cuộc sống đời thường, ngay trước mắt. Như một cổ đức đã nói: “[Đạo] vì quá kề cận nên không thấy được.” Một vị khác đã bình về câu hỏi của Tăng: “Ngồi trên ngựa tốt mà không biết cưỡi.”

Đối với Triệu Châu sống thiền không phải là sống “giống thiền” mà sống một đời bình thường--như đang là—mới là thiền.

Ở đây không hẳn Tăng mới vào chùa, và có thể trước bữa tiểu thực, trong thời thiền, Tăng đạt định hay nhận ra điều gì nhưng chưa phải kiến tánh. Trong giờ tiểu thực Tăng ngẫm nghĩ thời tọa thiền, vì thế sau đó hỏi Triệu Châu.

Vì Tăng không hội câu “Ăn cháo chưa?” của Triệu Châu kéo Tăng trở về giây phút hiện tại, nên trả lời theo thói thường, tức tai nghe câu hỏi rồi đối đáp theo âm thanh thôi. Do đó Triệu Châu phải nói tiếp “Rửa bát đi!” để vị

Tăng buông đi niệm quá khứ là đã “ăn cháo” hầu trở về thực tại là bây giờ “rửa bát đi!”

Bạch Ẩn đã bảo: “Muốn hội được thực nghĩa câu “Rửa bát đi!” phải biết niệm Phật mà không mở miệng, hoặc rửa tay mà không dùng tay. Đây chỉ là buộc chúng ta sống với tâm không, dĩ nhiên là phải trải qua thời gian tu tập dài lâu.

Chí Đạo Vô Nan có bài kệ:

*Chớ mê mờ chữ “Đạo.”      Biết Đạo không gì khác*

*Ngoài việc làm sáng tối.*

Ngoài ra còn kiểu diễn giải khác. Câu “Ăn cháo chưa?” của Triệu Châu ý muốn hỏi Tăng “Có phải đến vì chứng ngộ?” Khi Tăng đáp “Thưa ăn rồi,” có nghĩa đã ngộ rồi, ngầm xin ấn chứng. Triệu Châu bảo “Rửa bát đi!” có nghĩa hãy quên đi chứng ngộ vừa qua, tiếp tục công phu để đào sâu sở ngộ và tẩy sạch tập khí.

Đây cũng là ý của Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn hỏi Lục Tổ “Gạo đã trắng chưa?” Lục Tổ đã đáp “Gạo trắng lâu rồi nhưng thiếu dần sàng.”

Bình:

Triệu Châu mở miệng bày hết ruột gan<sup>60</sup>. Tăng nghe xong nếu không nhận ra lẽ thực sẽ làm chuông là hủ<sup>61</sup>.

Những lời dạy trong kinh điển hay thầy tổ cũng như chuyển biến trong quá trình tu tập – nhất là nghĩ mình đạt ngộ -- lúc nào cũng phải cẩn trọng vì “chuông” và “hủ” rất dễ làm lẫn.

Tung:

*Chỉ vì quá rõ ràng<sup>62</sup>                      Phải lâu mới nhận  
ra<sup>63</sup>*

*Sớm biết đèn là lửa<sup>64</sup>              Cơm chín đã từ lâu<sup>65</sup>.*

Bài thơ này xuất xứ từ một chuyện cổ Trung Hoa. Một người khờ nấu cơm cho buổi chiều. Anh ta không nhận thấy lửa có sẵn trong lò, nên tay cầm ngọn đèn chạy tìm lửa khắp nhà.

---

<sup>60</sup> Tức là phơi bày tận nguồn tâm.

<sup>61</sup> Coi chừng đừng nghĩ mình thực ngộ nếu không nhận ra lẽ thực.

<sup>62</sup> Đạo, lẽ thực, ràng ràng trước mắt ngay trong cuộc sống đời thường, nhưng vì ta vướng vào ý niệm, phân biệt đối đãi nên thành khó khăn phức tạp.

<sup>63</sup> Vì thế phải lâu dài công phu mới nhận ra.

<sup>64</sup> Thường sống trong đèn (dụng) mà không thấy đó là lửa (thể), giống như ‘sống trong nước mà kêu khát’ (Bạch Ẩn).

<sup>65</sup> Nhận ra lẽ thực này là giác ngộ.

## HỀ TRỌNG CHẾ TẠO XE

### Cử:

**Hòa thượng Nguyệt Am hỏi tăng: “Hề Trọng làm bánh xe trăm gọng. Lấy phần đầu và đuôi cùng trục giữa bỏ đi thì sẽ ra sao?”**

Nguyệt Am Thiên Quả (1079-1152), đệ tử Khai Phúc Đạo Ninh, cháu Ngũ Tổ Pháp Diễn, dòng Dương Kỳ. Vô Môn Huệ Khai (1183-1260) là cháu ba đời.

Thông thường chúng ta có thể hiểu chiếc xe – cũng như các pháp – đều là duyên hợp tánh không. Đủ duyên thì có, hết duyên thì không. Hai cặp đối đãi có/không sinh diệt này đều cùng chung bản tánh bất sinh bất diệt là KHÔNG. Đây là Phật pháp căn bản.

“Thì sẽ ra sao?” Đây là câu hỏi Nguyệt Am buộc chúng ta trả lời. Sư không đòi chúng ta lý giải trừu tượng mà muốn chỉ ra Thiên trong động dụng. Nói cách khác Sư muốn chúng ta sáng mắt thấy Thiên, siêu vượt ý thức thường tình.

Hề Trọng, theo Sơn Hải Kinh, là người đầu tiên phát minh xe có bánh và có tài khéo do năng khiếu (tích lũy nhiều đời) và trau luyện.

Tài khéo (biết cách làm) và thành quả (chiếc xe) của Hề Trọng vẫn là tướng sanh diệt. Khi hết duyên, thành quả (đầu đuôi và trục giữa) hoại diệt (tháo bỏ) chỉ là công dã tràng. Người tu nếu dừng ở chỗ sắc tướng (công việc) thì cũng như thế.

Khi nói “Lấy phần đầu và đuôi cùng trục giữa bỏ đi” có nghĩa vượt qua hình tướng chiếc xe, bản ngã hay chính sự chứng ngộ mới đạt được.

Đó là qua khỏi nhị nguyên ta/người, chủ thể/đối tượng, sống được với tính bình đẳng nhất thể. Có câu nói ám chỉ người cuỡi ngựa giỏi là “không người, không ngựa,” tức là trạng thái tâm không và đạt định.

Hề Trọng tay nghề cao như vậy – cũng như người cuỡi ngựa giỏi - có thể khi làm việc đang ở trạng thái định này.

Như vậy một người qua tài khéo và tâm định có hẳn là thiên sư không? Chắc chắn là không, vì tài khéo và tâm định này còn hạn cuộc trong công việc, qua công việc mới có sự tập trung vào định, ý muốn nói chưa qua ngộ. Chính chứng ngộ mới thực sự chuyển hóa toàn bộ tận căn để cá tính và cuộc sống của chúng ta. Không đi tới sự chuyển hóa này thì chưa phải là Thiên.

Bởi vì trong sự tập thiền cũng có giai đoạn tập trung chuyên nhất vào một việc, buông bỏ thân tâm, ngã và

ngã sở. Nhìn một cách phiến diện thấy giống với những hình thái văn chương nghệ thuật như vẽ thiền, múa thiền, chơi piano thiền...rất dễ gây hiểu lầm, vì chỉ liên hệ đến vài phương diện trong đời sống, chưa rõ ráo và toàn diện.

Tu thiền phải đưa đến chuyển hóa toàn triệt tận căn nguyên tâm linh.

Bình:

Nếu ngay đó<sup>66</sup> thấy được, mắt sẽ tựa sao băng<sup>67</sup>, cơ như điện chớp.

Tung:

*Chỗ bánh xe<sup>68</sup> chuyển      Lão luyện còn làm<sup>69</sup>*

*Bốn phương trên dưới      Nam bắc đông tây<sup>70</sup>.*

\*

VMQ 9

## PHẬT ĐẠI THÔNG TRÍ THẮNG

---

<sup>66</sup> Tức thì nhận ra (trực giác), không qua màng lưới suy nghĩ ý thức.

<sup>67</sup> Khi hết mê lầm, trí sáng thông suốt vạn hữu như mắt tựa sao băng soi thấu vũ trụ.

<sup>68</sup> Bánh xe: Cơ luân. Ý nói diệu dụng của Phật tánh trong đời thường.

<sup>69</sup> Hành giả nếu đã sáng tâm (căn bản trí) nhưng chưa đến hoạt dụng (sai biệt trí) vẫn chưa xong việc.

<sup>70</sup> Thông dong tự tại.

## Cử:

**Tăng hỏi hòa thượng Hưng Dương Thanh Nhưộng:**  
**“Phật Đại Thông Trí Thắng ngồi tu mười kiếp tại đạo tràng. Phật pháp không hiển bày và cũng không thành Phật đạo. Thế nghĩa là sao?”**

**Sư đáp: “Hỏi thật hay!”**

**Tăng: “Đã ngồi tu tại đạo tràng sao không thành Phật đạo?”**

**Sư: “Vì không thành Phật.”**

Hưng Dương Thanh Nhưộng là đệ tử Ba Tiêu Huệ Thanh, cháu bốn đời của Qui Sơn. Câu hỏi của Tăng nằm trong kinh Pháp Hoa, phẩm 7.

Trong Lâm Tế Lục, Lâm Tế nói: “*Đại Thông* là người ở mỗi nơi đều đạt muôn pháp vô tánh vô tướng. *Trí Thắng* là đối với tất cả chỗ đều chẳng nghi, chẳng được một pháp. *Phật* là tâm thanh tịnh quang minh thấu suốt pháp giới. *Mười kiếp ngồi đạo tràng* là mười ba-la-mật<sup>71</sup>. “*Phật pháp chẳng hiện tiền* là Phật vốn không sanh, Pháp vốn không diệt, sao lại có hiện tiền? *Chẳng được*

---

<sup>71</sup> Thập ba-la-mật là 10 đại hạnh của Bồ-tát, gồm 1/ Đản (bồ thí), 2/ giới, 3/ nhẫn nhục, 4/tinh tấn, 5/ thiên định, 6/ bát-nhã, 7/ phương tiện, 8/ nguyện 9/ lực, và 10/ trí.



*thành Phật đạo* có nghĩa [xưa nay] đã là Phật nên không thành Phật được.

Ngồi đạo tràng có nghĩa tọa thiền trên tòa Bồ-đề, cho nên Bạch Ẩn bảo: “Tại sao phải tọa thiền khi đã ngồi trên tòa giác ngộ? Ngay đây và bây giờ chúng ta ngồi tức đương thể là Phật Đại Thông Trí Thắng.”

Vì Phật tánh vốn sẵn có, phản quan tự kỷ sẽ hiển lộ, thế nên Hưng Dương nói không thành Phật. Và tại sao lại tìm Phật như trong một bài đoản ca:

*Hãy ngắm trăng thưởng hoa      Sống là như thế.*

*Chớ nghĩ phải thành Phật      Mà hoại đời quý báu!*

Bình:

Chỉ cho lão Hồ biết<sup>72</sup>, không cho lão Hồ hiểu<sup>73</sup>.

Phàm phu mà biết thì là thánh nhân<sup>74</sup>, thánh nhân mà hiểu thì là phàm phu.

Tung:

*Rõ thân chi bằng tự sáng tâm<sup>75</sup>*

*Sáng được tâm thì thân chẳng sâu<sup>76</sup>*

---

<sup>72</sup> Biết: nhận ra bằng trực giác.

<sup>73</sup> Hiểu: bằng ý thức qua văn tự, lý luận.

<sup>74</sup> Niệm trước mê là phàm phu, niệm sau biết (tỉnh) là thánh nhân.

<sup>75</sup> Tâm ý dẫn đầu các pháp kể cả thân tứ đại.

*Nếu cả thân tâm đều tỏ sáng*

*Chẳng đợi phong hầu đã thành tiên.*

Thành tiên tức là tự tại, như câu chuyện sau.

Thiền sư Tosui từ chối trụ trì một ngôi chùa lớn và sống đời ăn mày. Một hôm một người bạn là tín đồ Tịnh Độ đến thăm Sư, nhận thấy trong căn chòi tồi tàn gần như mục nát của Sư không có hình Phật. Nghĩ rằng dù nghèo đến đâu cũng phải thờ lạy Phật, nên vị này mang tặng Sư một tấm hình Phật A-di-đà treo lên tường và khuyên Sư mỗi sáng chiều đều nên lễ bái. Sư lấy ngay cọ vẽ đề một bài thơ trên hình Phật:

*Dù chòi tranh nhỏ hẹp Con xin Phật ở đây.*

*Nhưng chớ nghĩ là con Mong được về Cực Lạc.*

\*

VMQ 10

## THANH THOÁT NGHÈO KHỔ

**Cử:**

**Tăng hỏi hòa thượng Tào Sơn: “Thanh Thoát này nghèo khổ, xin thầy cứu giúp.”**

---

<sup>76</sup> Tâm sáng thì thân có đau vẫn không thấy khổ.

**Tào Sơn: “Xà-lê Thoát!”**

**Tăng: “Dạ”**

**Tào Sơn: “Rượu nhà Thanh Nguyên đã uống ba chén, sao bảo chưa dính môi?”**

Tào Sơn Bồn Tịch (840-901), đệ tử Động Sơn Lương Giới là tổ tông Tào Động.

Tăng tuy có dụng công tu tập vẫn còn “nghèo khô.” Nghèo vì tuy đã sạch hết kiến chấp tình giải nhưng chưa nhận ra kho báu nhà mình, tức chưa chứng ngộ, vì thế còn khô vì sanh tử.

Gọi/Dạ là một thủ thuật trong nhà Thiền cốt đánh thức người hỏi, kéo ra khỏi câu hỏi để lôi trở về thực tại trước mắt. Nếu nghe kêu, biết dạ và nhận ra tánh nghe tức kho báu hiển lộ, tượng trưng là “rượu nhà Thanh Nguyên đã uống ba chén.” Như vậy còn muốn thêm gì nữa mà bảo thiếu vắng, “chưa dính môi?”

Một học tăng đến hỏi thiền sư Bàn Khuê:

- Trí huệ của con bị khóa chặt, con không thể dùng được. Phải làm sao đây?

Bàn Khuê bảo:

- Hãy đến gần đây.

Khi tăng bước đến gần, Bàn Khuê nói:

- Kỳ diệu thay, ông đã dùng được rồi.

Bình:

Thanh Thoát trình cơ như vậy là ý thế nào? Tào Sơn mắt sáng thấy thấu tâm cơ<sup>77</sup>. Tuy nhiên hãy nói xà-lê Thoát uống rượu chỗ nào và thế nào<sup>78</sup>?

Tung:

*Bản cùn̄g như Phạm Nhiễm<sup>79</sup> Chí khí như Hạng  
Võ<sup>80</sup>*

*Nghề nghiệp tuy chẳng có Dám so cùn̄g phú  
hộ<sup>81</sup>.*

\*

VMQ 11

**TRIỆU CHÂU khám CHỦ AM**

Cử:

---

<sup>77</sup> Tăng in tường xin chỉ dạy, nhưng thực ra có ý muốn thử Tào Sơn.

<sup>78</sup> Tuy có sẵn rượu, nhưng tự mình phải công phu mới uống được rượu.

<sup>79</sup> Kẻ sĩ rất nghèo, sống vào thế kỷ thứ 2. Là ai vậy?

<sup>80</sup> Võ tướng dũng mãnh, sống vào thế kỷ 3 trước C.N. Là ai vậy?

<sup>81</sup> Nhờ nghèo danh lợi, nghèo phân biệt kiến chấp mới giàu có với bầy thánh tài: Tín – Tấn – Giới – Tàm quý – Văn – Xả - Huệ.

**Triệu Châu đến một am thất hỏi: “Chủ am<sup>82</sup> có ở nhà không?”**

**Chủ am đưa nắm tay lên.**

**Triệu Châu: “Nước cạn, không đậu thuyền được.”**

**Và bỏ đi.**

**Lại đến một am thất khác hỏi: “Chủ am có ở nhà không?”**

**Chủ am cũng đưa nắm tay lên.**

**Triệu Châu nói: “Tha được bắt được; giết được cứu được.”**

**Và cúi lạy.**

Sau khi thầy là Nam Tuyên tịch, Triệu Châu đi hành khước để đào sâu và tinh lọc sở ngộ đồng thời trắc nghiệm người.

Đối với cả hai trường hợp tuy đều đưa nắm tay--chỉ cho tánh thấy hay Nhất thể-- nhưng thái độ của Triệu Châu hoàn toàn trái ngược, tựu chung đều muốn trắc nghiệm chủ am và xem dò phản ứng.

Trường hợp đầu cố ý chê ngộ chưa sâu (nước cạn), chưa được hoạt dụng (không đậu thuyền được). Khi bình về nắm tay, một thiền sư đã bảo:

---

<sup>82</sup> Ông chủ, Phật tánh.

*Dù cho là loạn hay thô    Hễ để người phê phán  
Hoa đào hồng tự hồng    Hoa đào trắng tự trắng.*

Trường hợp thứ hai cố ý khen là được đại dụng hiện tiền.

Một thiền sư khác có bài kệ:

*Gió xuân qua lùm cây    Đều hiện thành hai mặt  
Cành bắc được ấm áp    Cành nam lại mát lạnh.*

### Bình:

Cả hai chủ am đều đưa nắm tay lên, tại sao Triệu Châu một nhận một bác. Thử nói phức tạp này ở đâu? Chỗ này nếu hạ được chuyên ngữ thì thấy ngay Triệu Châu lưỡi không xương<sup>83</sup>, mặc tình khen chê. Tuy như thế, Triệu Châu lại bị hai chủ am khám phá<sup>84</sup>. Nếu bảo hai chủ am người giỏi người kém tất không có mắt tham học. Nếu bảo hai chủ am không ai hơn ai cũng không có mắt tham học<sup>85</sup>.

Bạch Ân nhận xét lời bình của Vô Môn: "Vô Môn bảo rằng không thừa nhận là có khác hay không khác [giữa hai trường hợp]. Lời bình hay nhưng theo ta thì không giải thích vụng về như thế, bởi vì Vô Môn có thể giải thích nhưng ông sẽ không hội được, Vô Môn có thể chỉ

---

<sup>83</sup> Nói năng nhiều đường linh động.

<sup>84</sup> Triệu Châu và chủ am hai bên tương ứng.

<sup>85</sup> Phải lia hai bên, vượt qua phân biệt mới nhận ra lẽ thực. Nếu qua nắm tay nhận ra tánh thấy thì giải tỏa hết mọi vấn đề từ đầu đến cuối.

dạy nhưng ông sẽ không học được. Mỗi người phải tự chứng nghiệm, nếu không hiểu biết sẽ không đi đến đâu."

Tung:

*Mắt như sao băng*

*Cơ như điện chớp*

*Có đao giết người*

*Có kiếm cứu người<sup>86</sup>.*

\*

VMQ 12

## THOẠI NHAM gọi ÔNG CHỦ

Cử:

Hòa thượng Thoại Nham hằng ngày tự kêu: “Ông chủ!” Rồi tự đáp: “Dạ!” Lại nói: “Tĩnh, tĩnh!” và tự trả lời: “Từ rày về sau chớ để người lừa.” Và đáp: “Dạ, dạ!”

Sư Ngạn Thoại Nham, đệ tử Nham Đầu Toàn Hoát (828-887), là cháu Đức Sơn Tuyên Giám.

Đối với Thoại Nham, ông Chủ thật hiển bày và sinh động khi tự kêu rồi dạ. Ông chủ thông thường là chủ của một vật gì. Nhưng ở đây không phải là chủ đối với vật hay đối tượng, mà là “Chủ thể tuyệt đối”, “Chủ thể nền tảng”, không bao giờ bị đối tượng hóa hay ý niệm hóa,

---

<sup>86</sup> Nguyên bài kệ tán thán Triệu Châu.

mà tự tròn đủ trong chính mình tự hiện hữu. Thiền sư Minh Am Vinh Tây (1141-1215) bảo “Không thể đặt tên được.” Tất nhiên ông Chủ Thoại Nham – còn gọi là Thực Tại - không thể đặt tên, là “ngón tay” của Câu Chi, “Bản Lai Diện Mục” của Huệ Năng, “Vô Vị Chân Nhân” của Lâm Tế. Tên gọi khác nhau đều chỉ ra cùng một Thực Tại.

Thiền không gì khác ngoài việc mỗi người chứng nghiệm và mở mắt sáng thấy Chủ thể tuyệt đối này. Ngộ là sự chứng nghiệm này. Thiền sư Ngu Đường Đông Thật (1579-1661) ở chùa Diệu Tâm có bài kệ về Bản Lai Diện Mục như sau:

*Đẹp tự nhiên tươi trẻ Nếu tâm không biết cười*

*Trái tim sẽ rướm máu Tây Thi nhường màu da*

*Dương Phi chìm trong tối.*

Thụy Nham đã từng biết mỉm cười với vẻ đẹp tươi trẻ này sau những năm công phu gian khổ với thầy là Nham Đầu. Sau khi chứng ngộ Sư vẫn tiếp tục gọi vẻ đẹp này là “ông Chủ.” Gọi ông Chủ và dạ với ông Chỉ không phải hai mà là Nhất thể tuyệt đối này. Sư khi gọi/dạ đã sống hoạt dụng với ông Chủ. Dù mặc áo ăn cơm, nói cười, đi-đứng-ngồi-nằm đều tỉnh giác. Một cổ đức bảo Thiền của Thụy Nham là “rỗng giỡn với hạt châu.”



Liên quan đến công án này có một giai thoại sau. Một vị tăng đến gặp Trường Sa (?-868).

Trường Sa hỏi:- Vừa rời chỗ nào?

Tăng đáp:- Thụy Nham

- Thụy Nham có lời nào dạy người?

- Mỗi ngày gọi ông Chủ, rồi tự đáp.

- Sao không ở lại tu với y?

- Thụy Nham đã tịch.

Lạ thay, Trường Sa hỏi tiếp:- Nếu bây giờ người gọi y “ông Chủ!” y có trả lời không?

Tăng không đáp được.

Thụy Nham đã tịch nhưng Trường Sa cứ hỏi cốt đánh thức vị tăng nhận ra ông Chủ thực, vì ông Chủ thực vượt ngoài thời gian, không gian.

Một giai thoại khác về lãnh chúa Ota Dokan thời nội chiến ở Nhật. Ông học thiền với thiền sư Unko chùa Thanh Tùng và được thầy trao cho công án “Thụy Nham gọi ông Chủ”. Sau những năm tháng ròng rã tham cứu ông thấy được chỗ vào, đến trình kiến giải với thầy. Unko bèn hỏi:

- Giờ đây “ông Chủ” ở đâu?

Lãnh chúa đáp:

*Tiếng chuông ngân vang*

*Núi non đáp lời*

*Dưới trời sáng trăng.*

và được Unko ấn chứng.

Có phải bài kệ của lãnh chúa đã “dạ” khi nghe gọi “ông Chủ”?

Bình:

Lão Thoại Nham tự bán tự mua, đùa cợt với lăm đầu thần mặt quỷ. Có sao vậy? Một lão kêu, một lão dạ, một lão tỉnh táo, một lão không bị người gạt.

Chấp vào những khuôn mặt này<sup>87</sup> thì có lỗi.

Nếu bắt chước lão cũng là kiến giải chôn tinh<sup>88</sup>.

Tung:

*Lẽ thực người tu chẳng nhận ra*

*Vì muôn đời chấp thức phân biệt*

*Gốc từ vô lượng kiếp sanh tử*

*Kẻ mê xem đó người xưa nay<sup>89</sup>.*

---

<sup>87</sup> Hình tướng bên ngoài, không phải Ông Chủ thực.

<sup>88</sup> Nếu chỉ mô phỏng người xưa, không tự chứng nghiệm sáng tạo thì sự hiểu biết sẽ như thân chết, không hữu dụng.

<sup>89</sup> Lắm chấp ý thức phân biệt, suy nghĩ kiến giải là tánh giác.

VMQ 13

## ĐỨC SƠN BUNG BÁT

### Cử:

**Một hôm Đức Sơn bung bát ra khỏi thiền đường, Tuyết Phong gặp, hỏi: “Lão già! Chuông chưa đánh trống chưa điểm mà bung bát đi đâu?”**

**Sư liền lui về phương trượng.**

**Tuyết Phong kể lại chuyện cho Nham Đầu.**

Đức Sơn Tuyên Giám (782-865), chuyên giảng kinh Kim Cang. Trên đường về phương nam ‘ruộng tận hang ổ’ tông phái thiền, gánh theo bộ Thanh Long Sớ Sao bình về kinh Kim Cang, gặp bà lão bán bánh điểm tâm. Bà hỏi: “Kinh Kim Cang nói tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai bất khả đắc, thượng tọa điểm tâm nào?” Sư không đáp được, bà lão không bán bánh và chỉ đường đến Long Đàm Sùng Tín (780-850). Trong giai thoại này Sư gần 80, trụ trì Đức Sơn.

Đây là loại nan thấu công án. Biết rằng mình đến trước tiếng bảng đánh, Đức Sơn im lặng quay về, thể hiện đức tính hồn hậu và thái độ vô niệm. Một thiền sư ca ngợi đức tính này nơi Đức Sơn với câu: “Sư âm thầm đầu đội

trời, lặng lẽ chân đạp đất.” Một vị thiền sư khác làm kệ tán thán:

*Khi gió đong đưa cây tơ liễu*

*Muợt mà từng hạt phát phôi bay*

*Khi mưa rơi trên hoa đào nở*

*Bướm trắng lượn quanh khắp bầu trời.*

Tuyết Phong (822-908), đệ tử Đức Sơn, làm điển tọa trong chùa, muốn bào chữa cơn trề nên hỏi thầy mình bung bát đi đâu. Lúc bấy giờ còn trẻ và đầy nhiệt huyết, kinh nghiệm Thiền chưa đủ điều luyện nên Tuyết Phong chỉ thấy Đức Sơn lui về mà không nhận ra diệu dụng trong thái độ vô niệm hồn nhiên của Đức Sơn.

**Nham Đầu bảo: “Đại sư như Đức Sơn mà chưa hội câu rớt sau.”**

**Sư nghe được sai thị giả gọi Nham Đầu vào hỏi: “Không thừa nhận lão tăng ư?”**

**Nham Đầu thì thâm ý của mình vào tai Sư. Sư liền thôi.**

**Hôm sau Sư thăng tòa, quả nhiên không giống thường ngày. Nham Đầu ra trước chúng, vỗ tay cười lớn nói: “Vui thay lão già hội câu rớt sau. Mai sau thiên hạ không làm gì được lão.”**

Nham Đầu (828-887) công phu vượt qua Tuyết Phong,

thừa biết Đức Sơn đã hội câu rớt sau (cứu cánh tối hậu), và muốn giúp người bạn đồng song tinh lọc sở ngộ, nên cố ý nói như thế để đặt ‘câu rớt sau’ trước mặt Tuyết Phong và đại chúng (có thể cả chúng ta) khiến họ phải thấu phá. Đây là thể hiện tâm lão bà tha thiết của Nham Đầu.

Thiền buộc chúng ta phải lĩnh hội câu rớt sau như một thực tại phải tự chứng và thực sống trong mọi hoàn cảnh. Đây không phải là ý niệm hay lý giải về nó.

Đức Sơn muốn trắc nghiệm Nham Đầu nên hỏi: “Không thừa nhận lão tăng ư?” Và Nham Đầu thì thầm câu gì mà Đức Sơn hài lòng và bỏ qua – tức thừa nhận Nham Đầu? Một công án khác để mọi người tham.

### Bình:

Nếu gọi là câu rớt sau<sup>90</sup>, Nham Đầu và Đức Sơn trong mộng vẫn chưa thấy. Xem lại kỹ, tất cả thật chẳng khác chi tượng gỗ (con rối) bày trên kệ<sup>91</sup>.

### Tung:

---

<sup>90</sup> Đối với Vô Môn, và cả Đức Sơn, Nham Đầu, câu rớt sau chẳng có gì phải thắc mắc. Nói ra lời chỉ là âm thanh phát ra từ môi lưỡi.

<sup>91</sup> Từ ‘câu rớt sau’, rồi câu Nham Đầu thì thầm vào tai Đức Sơn, cho đến thái độ của Nham Đầu ra trước chúng vỗ tay cười lớn, tất cả chỉ là trò múa rối, phải buông đi hết.

*Biết được câu bắt đầu      Liên hiểu câu rốt sau*  
*Câu đầu câu rốt sau      Chẳng phải là một câu.*

\*

VMQ 14

**NAM TUYỀN CHÉM MÈO (BNL 63)**

**Cử:**

**Tăng chúng nhà đông và nhà tây tranh nhau một con mèo. Hòa thượng Nam Tuyền đưa con mèo lên nói: “Đại chúng nói được thì tha, không nói được thì chém.”**

**Chúng không nói được. Sư bèn chém con mèo.**

Nam Tuyền Phổ Nguyên (748-835) nói pháp Mã Tổ Đạo Nhất (709-788).

Công án thiền là lời nói và hành động của thiền sư phò bày kinh nghiệm thiền của các ngài một cách trực tiếp và tự do. Những kinh nghiệm này không phải lời dạy đạo lý hiểu biết thường nghiệm. Nếu không biết rằng công án thuộc về một tầm vóc khác thì không thể nào nắm được thực nghĩa. Công án không phải không có hay chối bỏ đạo lý và hiểu biết thường nghiệm, trái lại chính công án làm chủ và xử dụng hai phương diện trên một cách tự do và sinh động. Nếu không thì chúng ta không thể biết ơn công án.

Con mèo – lý do tranh cãi giữa hai phe tăng chúng – tượng trưng cho nhị nguyên đối đãi. Tranh chấp là chuyện phổ biến khi không tỉnh giác. Dù là việc tranh giành hay luận bàn về con mèo cũng chỉ là ngã chấp.

Hãy vô ngã, triệt để vô ngã. Khi đã thực sự vô ngã thì có khoảng cách nào giữa chúng ta với muôn người? Giữa chúng ta với con mèo? Với Nam Tuyền? Hoặ giữa con mèo bị chém và người chém mèo?

Nam Tuyền khi chém con mèo cố ý khai ngộ cho đại chúng, nếu không được thì cũng khiến đại chúng biết sợ mà thức tỉnh và giải quyết sự tranh chấp, vì thế không mời gọi chúng ta bàn thảo triết lý hay đạo lý. Nếu chúng ta nhắm vào bản giác Sư sẽ hỏi: “Hãy chỉ ra con mèo bản giác ngay đây và bây giờ,” tức đòi hỏi chúng nghiệm thiền. Như vậy người nào mở được con mắt Thiền sẽ cứu được con mèo.

Con mèo bị chém tượng trưng cho một phen “đại tử,” có nghĩa phải cho chết hết tập nghiệp ngã chấp lâu đời thì cái mới mẻ tức bản giác sẽ sống lại. Như Chí Đạo Vô Nan đã nói:

*Hãy chết khi sống, chết tất cả,*

*Sau đó mọi việc làm đều tốt.*

Về mặt nhân quả thì phải chịu quả báo. Nhưng Nam Tuyền hy sinh để khai ngộ cho đệ tử bằng cách chém -

không hẳn là con mèo – mà tinh thần ngã chấp và ý thức phân biệt. Chỗ này tổ tông Tào Động Nhật là Đạo Nguyên Hi Huyền (1200-1253) bình: ‘Sư biết chém làm hai nhưng không biết chém làm một.’

**Tối Triệu Châu trở về chùa. Sư kể lại cho Triệu Châu nghe. Triệu Châu bèn cỡi dép đội trên đầu mà đi.**

**Sư bảo: “Nếu lúc ấy có ông thì cứu được con mèo rồi.”**

Hành động cỡi dép của Triệu Châu tượng trưng tâm buông hết những gì đã nghe, không dính mắc, hoàn toàn tự tại, không phân biệt dép ở dưới chân mà đội trên đầu. Chỗ này Quốc Sư Đại Đăng bình: ‘Triệu Châu đội dép lên đầu. Xem này! Một, hai, ba. Trời là đất, đất là trời.’

Hành động này của Triệu Châu ‘cứu sống’ (dụng) và hành động chém của Nam Tuyền ‘giết chết’ (thể) là hai mặt của một đồng tiền, diễn tả thủ thuật của nhà thiền tùy thời tùy duyên.

Triệu Châu nói được một chuyển ngữ thì Nam Tuyền buông dao, không cần phải chém con mèo vì đã đạt sở nguyện là khai ngộ cho người.

Bình:



Thử hỏi Triệu Châu đội dép cỏ như vậy ý thế nào? Nếu ở đây nói được một chuyện ngữ thì Nam Tuyền hành lệnh không uổng. Chưa nói được, coi chừng, hiểm nguy đấy!

Tung:

*Ví thử có mặt Triệu Châu      Sẽ thi hành ngược lại lệnh  
Và sẽ đoạt lấy con dao              Dù Nam Tuyền xin tha mạng.*

\*

VMQ 15

### **BA GẬY của ĐỘNG SƠN**

Cử:

**Khi Động Sơn đến tham học, Vân Môn hỏi: “Từ đâu đến?”**

**Động Sơn đáp: “Tra Độ.”**

Động Sơn Thủ Sơ (910-990), đệ tử Vân Môn. Vân Môn Văn Yển (864-949), đệ tử Tuyết Phong, cháu Đức Sơn. Vân Môn là Tổ một tông phái, cơ phong sáng chói, thường được ví như “hoàng đế” trong khi Lâm Tế như “tướng soái” và Động Sơn Lương Giới như “nông dân” vì thủ thuật bình dị, chắc nịch. Dòng thiền Vân Môn sau

khi Sư viên tịch hai trăm năm thì hết.

Vân Môn mở màn cuộc trắc nghiệm với câu hỏi “Từ đâu đến?” Chúng ta có thể hiểu nhiều cách: Gốc gác ở đâu, kinh nghiệm tu hay trình độ ngộ, thầy là ai...Nếu Tra Độ là một địa danh thì câu trả lời của Động Sơn chỉ đơn giản là nơi chốn theo địa lý, tuy trung thực nhưng thường tình, chứng tỏ chưa ngộ.

**Vân Môn hỏi tiếp: “Mùa hạ rồi ở đâu?”**

**Động Sơn: “Chùa Báo Từ ở Hồ Nam.”**

Vân Môn hỏi tiếp “Mùa hạ rồi ở đâu?” để trắc nghiệm rõ hơn. Thấy Động Sơn vẫn chưa nắm được câu hỏi và vẫn trả lời theo nơi chốn nên Vân Môn kiên nhẫn hỏi tiếp.

**Vân Môn: “Rời chùa hôm nào?”**

**Động Sơn: “Ngày 25 tháng 8.”**

**Vân Môn: “Cho ông ba gậy.”**

Vì câu hỏi và lời nói không hữu hiệu nên lần này Vân Môn phải hành động cho “ăn gậy.” Giống như trường hợp Mã Tổ, mấy lần hỏi đáp không thúc đẩy đến đạt ngộ được, cuối cùng phải véo lỗ mũi Bá Trượng.

**Sáng hôm sau Động Sơn lại đến tham vấn: “Hôm qua đội ơn thầy cho ba gậy, không biết lỗi tại chỗ nào?”**

**Vân Môn: “Cái túi cơm! Cứ thế mà đi hết Giang Tây đến Hồ Nam!”**

Rày la lần này còn gặt gao hơn ba gậy “Cái túi com” tức đồ vô dụng,” do đó đã đẩy mạnh Vân Môn đến đích điểm.

Giang Tây là chỗ giáo hóa của Mã Tổ, Hồ Nam của Thạch Đầu. Ngụ ý cứ chạy loanh quanh bên ngoài mà không nhận ra chân tánh nơi mình.

**Động Sơn ngay đó đại ngộ<sup>92</sup>.**

Bình:

Vân Môn nếu lúc ấy cho Động Sơn món thảo liệu<sup>93</sup>, mở riêng cho Động Sơn một con đường sống<sup>94</sup> thì cửa nhà không đến nỗi tịch liêu<sup>95</sup>. Qua một đêm hụp lặn trong biển thị phi, lâm vào chỗ bế tắc<sup>96</sup>, hôm sau tái tham Vân Môn, Động Sơn liền thấu phá. Tuy đạt ngộ nhưng cái sáng của Động Sơn chưa rõ ráo.

Xin hỏi các người, ba gậy Vân Môn cho Động Sơn, Động Sơn có bị đánh hay không bị đánh? Nếu bảo có đánh thì cây cỏ mọi vật đều đáng bị đánh. Nếu bảo là không thì

---

<sup>92</sup> Sau khi ngộ, Động Sơn nói: “Về sau, đến nơi vắng vẻ dựng am, không chứa một hạt gạo, không trồng một cọng rau, chỉ vì người thảo đỉnh mở trời.”

<sup>93</sup> Loại cỏ khô cho gia súc ăn. Chỉ cho món ăn đích thực thiên.

<sup>94</sup> Thúc đẩy đến đạt ngộ.

<sup>95</sup> Con cháu không ít ỏi.

<sup>96</sup> Tu là công phu gian khổ, nhiều phen điều đứng mới chứng ngộ. Không thể ngồi mát ăn bát vàng được.

Vân Môn nói dối. Sáng được chỗ này thì sẽ cùng Động Sơn thờ chung một miện.

Tung:

*Sư tử (Vân Môn) dạy con (Động Sơn) thật ân nhiệm*

*Con chồm ra trước lại quay sau*

*Ngẫu nhiên dòn thế kẹt lần nữa*

*Tên trước nương nhẹ tên sau sâu.*

\*

VMQ 16

## NGHE CHUÔNG MẶC ÁO

Cử:

**Vân Môn nói: “Thế giới rộng lớn như vậy, tại sao nghe tiếng chuông lại đấp y thất điều?”**

Pháp giới của kinh Hoa Nghiêm gồm có bốn: Lý (tuyệt đối), Sự (tương đối tức hiện tượng), Lý trong Sự và Sự trong Sự. Thế giới rộng lớn tương ứng với cảnh giới Lý, tức thông dong tự tại. Vậy tại nghe tiếng chuông có dính mắc hay không? Đây là câu hỏi của Vân Môn.

## Bình:

Phàm tham thiền học đạo, kỵ nhất là chạy theo tiếng đuổi theo hình<sup>97</sup>. Mặc dù nghe tiếng mà ngộ đạo, thấy hình sáng tâm cũng là việc tầm thường<sup>98</sup>. Nên biết rằng người tu phải cười tiếng đập hình, đâu đâu cũng rõ, chi chi cũng biết<sup>99</sup>.

Tuy như thế, hãy nói tiếng đến tai hay tai đến tiếng<sup>100</sup>? Chỗ này nếu lấy tai mà nghe<sup>101</sup> ắt chẳng hội, lấy mắt mà nghe<sup>102</sup> thì mới được thân thiết<sup>103</sup>.

## Tung:

*Hội thì chuyện một nhà<sup>104</sup>      Không hội ngàn sai khác<sup>105</sup>*

*Không hội chuyện một nhà<sup>106</sup>      Hội thì ngàn sai khác<sup>107</sup>.*

\*

---

<sup>97</sup> Sáu căn dính với sáu trần.

<sup>98</sup> Lần ngộ đầu tiên, chưa xong việc, chỉ mới được Thễ, còn phải tiếp tục công phu (kiến tánh khởi tu).

<sup>99</sup> Đại dụng hiện tiền.

<sup>100</sup> Đây là câu gài bẫy, vì tai và tiếng thể tánh đều Không.

<sup>101</sup> Nghe mà còn thấy tai (năng) và tiếng (sở) đều có thật, chưa cảm rỗng trong cái Không.

<sup>102</sup> Nghe với tánh nghe, được Thễ, rồi chuyển qua Dụng. Nghĩa là tánh nghe trùm khắp nên toàn thân đều biết nghe.

<sup>103</sup> Mật thiết với đạo.

<sup>104</sup> Được Thễ, tức bình đẳng tánh trí hay căn bản trí.

<sup>105</sup> Phân biệt đối đãi.

<sup>106</sup> Ngu phu không nhận biết thiện ác, tốt xấu...

<sup>107</sup> Được Dụng, tức sai biệt trí.

## QUỐC SƯ GỌI BA LẦN

### Cử:

#### **Quốc Sư ba lần gọi thị giả, thị giả dạ ba lần.**

Quốc Sư Nam Dương Huệ Trung (690-775), đệ tử Lục Tổ. Thị giả Ứng Chân Đam Nguyên, đệ tử nổi pháp Quốc Sư.

Gọi-dạ là một thủ thuật trong nhà thiền, thầy thường dùng để xét nghiệm trò. Tùy theo cách dạ của trò thể hiện được trình độ tỉnh giác mà thầy chấp nhận hay không. Ví dụ: Một võ sĩ đạo xin một thiền sư chỉ bí quyết thiền. Sư gọi tên, ông dạ. Sư nói ‘Ta đâu có gì giấu người.’ Hoặc như trong bài thơ Tiểu Diễm:

*Vừa kêu Tiểu Ngọc nguyên không việc*

*Chỉ cốt đàn lang hứa đắc thình.*

Cô tiểu thư gọi người hầu không có việc gì mà chỉ cốt cho tình nhân nghe tiếng nhận ra mình (tánh nghe).

Quốc sư vì muốn truyền pháp cho đệ tử kế thừa là Ứng Chân nên trắc nghiệm ba lần. Mỗi lần “gọi” thị giả “dạ” và đánh lễ quỳ ngoài cửa phòng thầy. Quốc sư cho lui về liêu, vừa đến nơi Quốc sư lại gọi tiếp lần hai rồi lần ba.

Thị giả vẫn đánh lễ và quỳ ngoài cửa – thái độ không hề thay đổi.

**Quốc sư bảo: “Tuởng ta cô phụ người, không dè người cô phụ ta.”**

“Tuởng ta cô phụ người” có nghĩa Huệ Trung e ngại chỉ dạy không đầy đủ. “Người cô phụ ta,” tức là qua mặt thầy như Hoàng Bá nói: “Bằng thầy vẫn kém thầy nửa đúc. Hơn thầy mới mong truyền thụ.” Ứng Chân đã được chứng nhận.

Bình:

Quốc sư ba lần gọi, lưởi rụng xuống đất<sup>108</sup>. Thị giả ba lần dạ, phát sáng ra ngoài<sup>109</sup>. Quốc sư già nua cô độc<sup>110</sup>, dè đầu trâu bắt ăn cỏ<sup>111</sup>. Thị giả không nhận, thực phẩm ngon người no không thích ăn<sup>112</sup>. Hãy nói chỗ nào là cô phụ? Nước bình an thì quý người tài<sup>113</sup>; nhà giàu có thì trẻ kiêu kỳ<sup>114</sup>.

---

<sup>108</sup> Vì gọi đến ba lần, quá nhiều nên lưởi rụng.

<sup>109</sup> Nhận được diệu nghĩa.

<sup>110</sup> Tuổi già chưa có đệ tử truyền thừa.

<sup>111</sup> Cổ thức (dè đầu trâu) đệ tử chứng ngộ (bắt ăn cỏ).

<sup>112</sup> Thị giả đã ngộ (no rồi) dù thức ăn ngon (bí quyết hay cách mấy) vẫn không muốn ăn (không cần nữa).

<sup>113</sup> Đất nước của Huệ Trung hưng thịnh vì có đệ tử ngộ đạo là Ứng Chân.

<sup>114</sup> Chứng đạo rồi thành giàu có, không màng đến đồ chơi rẻ tiền nữa.

Tung:

*Gông cùm không lổ<sup>115</sup> bắt mang vào*

*Lụy đến con cháu chuyện không dễ.*

*Muốn giữ cửa nhà được êm ấm<sup>116</sup>*

*Chân trần phải gắng đạp non đao<sup>117</sup>.*

\*

VMQ 18

**BA CÂN GAI của ĐỘNG SƠN (BNL 12)**

Cử:

**Tăng hỏi hòa thượng Động Sơn<sup>118</sup>: “Thế nào là Phật?”**

**Động Sơn đáp: “Ba cân gai.”**

“Ba cân gai” chỉ ra chân lý rành rành trước mắt (sờ mó được), không phải ý niệm trừu tượng hay ý thức phân biệt.

Giai thoại này có trong Bích Nham Lục tắc 12:

---

<sup>115</sup> Trách nhiệm nặng nề của đệ tử đối với tông môn sau khi được thầy ấn chứng.

<sup>116</sup> Giữ gìn tòa nhà Phật pháp trường tồn.

<sup>117</sup> Gian nguy cách mấy vẫn không lùi bước.

<sup>118</sup> Động Sơn Tông Huệ Thủ Sơ (910-990), đệ tử Vân Môn.



- Có người nói, khi ấy Động Sơn đang cân gai trong kho, bèn đáp như thế, thật không dính dáng.

- Có vị tăng hỏi Trí Môn Quang Tộ, Động Sơn nói ‘ba cân gai’ là ý chỉ thế nào? Trí Môn đáp ‘Hoa nhóm nhóm, gắm nhóm nhóm.’ Tăng không hiểu. Trí Môn nói ‘Tre đất Nam chừ cây đất Bắc.’ Tăng về chùa thưa lại với Động Sơn. Động Sơn nói ‘Ta chẳng vì người nói mà vì đại chúng.’ Liền thượng đường nói ‘Nương lời là mất, kẹt câu là mê.’

### Bình:

Lão Động Sơn tham được chút thiền sò trai, vừa hé mở hai miếng vỏ sò<sup>119</sup> đã phơi bày hết ruột gan<sup>120</sup>. Tuy như thế, hãy nói thấy Động Sơn ở đâu?

### Tung:

*Chợt đưa ba cân gai*

*Lời gân ý gân hơn*

*Người nào phân phải quấy  
phi.*

*Chính ấy kẻ thị*

\*

---

<sup>119</sup> Chỉ cần hé môi nói ba cân gai đã diễn bày tất cả sinh mạng, chân tánh.

<sup>120</sup> Cốt tủy Phật pháp.

## TÂM BÌNH THƯỜNG là ĐẠO

**Cử:**

**Triệu Châu hỏi Nam Tuyền: “Đạo là gì?”**

**Nam Tuyền: “Tâm bình thường là đạo.”**

Không phải là tâm tâm thường chỉ biết việc vụn vặt hoặc thường ngày luôn bận bịu lo toan những việc danh lợi, tập trung vào bản ngã. Bình nghĩa là quân bình, không kẹt hai bên; thường là luôn tỉnh giác dù động/tĩnh, thuận/nghịch.

Đạo là đường đời chúng ta đang sống, không nơi nào khác, ngay đây và bây giờ— thực tại hiện tiền. Dù mất dấu quên đường vì mê lầm tập trung vào bản ngã, khởi tham sân, khi tỉnh dậy thì đạo sờ sờ, ‘Nhu xưa mũi dọc ngang mày.’ Ví dụ: Trong một buổi pháp đàm, mỗi người được yêu cầu nêu ý kiến về sự tu của mình. Có ý kiến về kinh nghiệm, thay đổi tâm lý như nhẫn nại hơn, từ bi hơn, tỉnh giác hơn. Chỉ một ý kiến thật bình thường: “Căn hộ tôi ngày càng sạch hơn.”

**Châu: “Có nên hướng đến đó không?”**

**Tuyền: “Nghĩ hướng đến đã sai.”**

Đã bình thường còn hướng đâu nữa? Hướng đến điều gì tức là mình không có điều đó và đang tìm ngoài mình.

**Châu: “Không nghĩ làm sao biết đó là đạo?”**

**Tuyên: “Đạo không thuộc về biết hay không biết. Biết thuộc về vọng giác. Không biết thuộc về vô ký. Nếu thực sự đạt đạo, đó như hư không, rỗng rang không ngăn mé, làm sao gượng nói có hay không có?”**

Hiểu biết thuộc về kiến thức vay mượn bên ngoài. Đạo là trực nhận, không qua mạng lưới tư tưởng và ngã chấp. Không biết thuộc về ngu ngơ, thiếu sáng suốt.

**Châu ngay lời này đốn ngộ.**

Bình:

Nam Tuyền, trước khi Triệu Châu hỏi, đã được ngồi bẻ băng tiêu<sup>121</sup>, nhưng không thể nào giải thích.

Triệu Châu dù đã ngộ cũng phải tham thêm ba mươi năm nữa<sup>122</sup>.

Tung:

*Xuân có trăm hoa, thu có trăng*

*Hạ có gió lành, đông tuyết rơi*

*Nếu tâm chẳng nghĩ việc lãng xãng*

*Ấy thời tiết tốt chón nhân gian.*

\*

VMQ 20

## NGƯỜI ĐẠI LỰC SĨ

Cử:

Hòa thượng Tùng Nguyên bảo: “Người đại lực sĩ, tại sao nhắc chân không nổi?” Lại bảo: “Nói không do môi lưỡi.”

---

<sup>121</sup> Chứng nghiệm cái Không.

<sup>122</sup> Sau khi ngộ nơi Nam Tuyền và Nam Tuyền tịch, Triệu Châu đi hành khước để đào sâu sở ngộ đồng thời tinh lọc nhân cách thiền.

Tùng Nguyên Sùng Nhạc (1139-1209), cháu Viên Ngộ Khắc Cần, dòng Dương Kỳ tông Lâm Tế.

Tùng Nguyên thường dùng Ba Chuyển Ngữ để dạy chúng:

- Đại lực sĩ sao nhấc chân không nổi?
- Nói không do môi lưỡi.
- Bạc giác ngộ sao không cắt đứt nổi dây đỏ buộc chân?

Đại lực sĩ là người có sức mạnh, tượng trưng cho bậc giác ngộ, vẫn sống bình thường như mọi người là khi bước đi thì nhấc chân lên và hạ chân xuống. ‘Không nhấc chân nổi’ là một nghịch lý đưa ra để thầy trách nghiệm xem đệ tử có qua được nhị nguyên có / không chân, nhấc lên / hạ xuống.

Nếu hiểu theo lý luận thì “đại lực sĩ” chỉ mạnh về thân thể nên qua lãnh vực tâm linh thì vẫn “nhấc chân không nổi.”

“Dây đỏ buộc chân” tượng trưng dính mắc. Chuyển ngữ thứ ba này là lời dạy của Tùng Nguyên trước khi viên tịch vì còn nghĩ đến hàng đệ tử chưa ngộ - vướng bận cuối cùng.

Bình:

Tùng Nguyên thật là độc hết ruột gan, chỉ hiềm không ai thừa đương<sup>123</sup>. Và dù có ai thừa đương, bảo y đến để Vô Môn này đánh y thiệt đau<sup>124</sup>. Tại sao vậy? Muốn biết vàng thiệt phải nhìn trong lửa<sup>125</sup>.

Tung:

*Đưa chân đá bật<sup>126</sup> biển Hương Thủy<sup>127</sup>*

*Cúi đầu nhìn xuống trời Tứ Thiên<sup>128</sup>*

*Sừng sừng một thân không chỗ tựa<sup>129</sup>*

*Xin nhờ ai viết tiếp một câu<sup>130</sup>.*

\*

VMQ 21

## VÂN MÔN - que cút khô

Cử:

**Tăng hỏi Vân Môn: “Thế nào là Phật?”**

**Vân Môn đáp: “Que cút khô.”**

---

<sup>123</sup> Nhận hiểu, tức chứng ngộ.

<sup>124</sup> Để buông bỏ dấu vết chứng ngộ.

<sup>125</sup> Muốn thành đại lực sĩ (vàng thiệt) trò phải gian khổ tinh luyện dưới sự giáo dưỡng khắc nghiệt của thầy (trong lửa).

<sup>126</sup> Diệu dụng của bậc giác ngộ.

<sup>127</sup> Theo Ấn Độ, biển Hương Thủy ở chung quanh núi Tu-di là trung tâm của vũ trụ.

<sup>128</sup> Thuộc cõi sắc giới.

<sup>129</sup> Pháp thân vô lượng vô biên.

<sup>130</sup> Hạ một chuyển ngữ.

Xưa Trung Hoa không có giấy vệ sinh nên dùng chiếc que.

Câu trả lời của Vân Môn thường có ba đặc tính:

- trời và đất dung hợp nhau (phú cái càn khôn): Hình ảnh ứng đối với hình ảnh trong câu hỏi của vị tăng.

- đuổi theo sóng nước (tùy ba trục lãng): Theo sát tư tưởng ý niệm của vị tăng về Phật, do biết được từ trước qua kinh điển...

- cắt đứt các dòng (cát tiệt chúng lưu): Cắt đứt dòng vận hành của ý thức, mở ngõ cho trực giác phát khởi.

### Bình:

Vân Môn nghèo đến không dọn nổi bữa cơm đạm bạc. Bận việc đến không thảo được lá thư. Nhanh tay quơ lấy que cứt để chống đỡ cửa nhà. Xem đó sẽ thấy Phật pháp thịnh suy thế nào.

Nghèo có nghĩa mất hết sở hữu từ vật chất (nhà cửa...), tri thức (kiến thức, nghề nghiệp...) và tâm linh (giáo điều, tín ngưỡng, pháp tu...) là những lớp vỏ che mờ tánh giác. Tuy nhiên một khi đã chứng ngộ thì những thứ này không còn là sở hữu nữa mà là phương tiện hữu dụng để giúp người.

Vân Môn luôn tự tại hồn nhiên, không chuẩn bị trước như thảo lá thư. Đây là hành động thành linh từ hông ngực lưu xuất, không phải từ bên ngoài nên ‘nhanh tay’ không chút bối rối. Nhưng đối với học chúng, nếu không khéo sẽ kẹt dính vào câu trả lời này và sẽ làm Phật pháp suy vi.

Tung:

*Ánh chớp lóe      Lửa đá xẹt<sup>131</sup>  
Vừa nháy mắt<sup>132</sup>    Đã vượt mắt<sup>133</sup>.*

\*

VMQ 22

## CA-DIỆP và CÂY PHUỚN

Cử:

**A-nan hỏi Ca-diếp: “Ngoài chiếc y kim tuyến, Thế Tôn còn truyền chi cho sư huynh?”**

**Ca-diếp gọi: “A-nan!”**

**A-nan đáp: “Dạ!”**

---

<sup>131</sup> Câu trả lời của Vân Môn nhanh như ánh chớp tia lửa, không có thời gian để suy nghĩ.

<sup>132</sup> Vừa khởi niệm tìm hiểu, ý thức phân biệt liền hoạt động.

<sup>133</sup> Không nhận ra Phật tánh.



A-nan là em họ, làm thị giả Phật, ra đời đềm Phật Thành Đạo, nổi tiếng là đa văn. Ca-diếp khi ra đời trong phòng chiếu hào quang, nên có tên Ca-diếp. Khi Phật nhập diệt (486 B.C.) lúc 80 tuổi thì Ca-diếp hơn vài tuổi, A-nan 46 tuổi. Y kim tuyến là biểu tượng truyền pháp. Khi hỏi Ca-diếp, A-nan nghĩ là ngoài y kim tuyến Phật có truyền thêm biểu tín khác.

Theo truyện sử, Ca-diếp được Phật truyền thừa ba lần:

- chia nửa tòa ngồi
- đưa cành hoa trên Linh Thứu
- ló chân ra khỏi kim quan khi Phật vừa nhập Niết-bàn.

Qua “gọi-dạ” A-nan chứng tỏ đã giác ngộ (xem VMQ 17)

**Ca-diếp: “Hạ cây phướn trước chùa xuống!”**

Cây phướn tượng trưng cho:

- Bài Pháp thoại hoặc vấn-đáp đã kết thúc
- Buông bỏ ý niệm kiến chấp
- Ấn chứng

Bình:

Nếu ở đây hạ được một chuyển ngữ thân thiết<sup>134</sup> thì sẽ thấy được hội Linh Sơn như còn tiếp diễn<sup>135</sup>. Nếu không, Phật Tỳ-bà-thi<sup>136</sup> sớm lưu tâm từ xa xưa đến giờ chưa xong việc<sup>137</sup>.

Tung:

*Hỏi đáp chỗ nào được thiết thân*

*Bao người mở được con mắt chân.*

*Anh kêu em dạ trong nhà<sup>138</sup> then*

*Không thuộc âm dương vẫn có xuân<sup>139</sup>.*

\*

---

<sup>134</sup> Hội được diệu nghĩa của 'gọi-dạ'.

<sup>135</sup> Thấy được Phật, tức chứng ngộ.

<sup>136</sup> Danh hiệu vị Phật đầu tiên trong bảy vị Phật quá khứ, tượng trưng Phật tánh nơi mỗi chúng ta từ vô thủy.

<sup>137</sup> Còn một chút gì trong tâm vẫn không thể ngộ.

<sup>138</sup> Hành động gọi-dạ mở ra kho báu nhà mình.

<sup>139</sup> Xuân miên viễn, không tùy thuộc hiện tượng bốn mùa của trời đất.

## KHÔNG NGHĨ THIÊN ÁC

### Cử:

**Lục Tổ bị thượng tọa Huệ Minh đuổi theo đến núi Đại Diệu Lĩnh.**

Lục Tổ Huệ Năng (638-713), Tổ thứ 6 Thiên Tông Trung Hoa, họ Lô, người Lĩnh Nam, sinh ngày 8 tháng 2 năm Mậu Tuất, đời Đường Thái Tông. Đến học đạo với Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn, không biết chữ, được giao việc gĩa gạo trong chùa. Tám tháng sau, nhân Ngài họa lại một bài kệ của Thần Tú, được Ngũ Tổ truyền y bát. Đắc pháp xong, về tu tại núi Đại Diệu Lĩnh. Mười sáu năm sau, về núi Tào Khê và ở luôn đấy trong 38 năm, thuyết giáo ở đất Triệu Châu và Quảng Châu, truyền pháp môn Đốn ngộ Diệu tu và giảng bộ Pháp Bảo Đàn Kinh là bộ Kinh duy nhất được kể vào tạng Kinh mà không phải do Phật dạy. Điểm đặc biệt là suốt trong thời gian học với Ngũ Tổ, được truyền y bát, làm Lục Tổ, sống mười sáu năm ẩn dật, ngài vẫn là cư sĩ.

Huệ Minh trước khi xuất gia vốn là một võ tướng đệ tử phả của triều đình, tánh tình nóng nảy bộc trực. Thuộc hàng thượng tọa trong môn đệ của Ngũ Tổ. Dẫn đầu những người đuổi theo Huệ Năng để dành y bát.

**Tổ thấy Huệ Minh đến, liền để y bát trên tảng đá nói: “Áo này là biểu tín, há tranh đoạt được ư? Ông cứ lấy.”**

**Huệ Minh toan lấy áo lên, thấy nặng trịch như núi.**

Y bát là biểu tín truyền pháp, có tính cách thiêng liêng. Huệ Minh vì chưa ngộ đạo nên thấy “nặng trịch như núi,” đây là hình ảnh có tính cách biểu trưng. Do đó ông thấy mình khác xa với Tổ.

**[Ông] tần ngần run sợ nói: “Tôi đến cầu Pháp, chẳng phải vì áo. Xin hành giả<sup>140</sup> khai thị cho.”**

Vì thế ông xin thụ giáo với Tổ và nhờ khai thị - tức mở ra cho thấy. Đây không ngoài mục đích hành hóa của chư Phật ở thế gian có thể tóm lược trong bốn chữ Khai, Thị, Ngộ, Nhập, (Mở ra, cho thấy, để chúng sinh ngộ lẽ thực và thể nhập).

Sự kinh ngạc về y bát khiến tâm ông rơi vào một trạng thái vắng lặng rỗng rang. Và ngay lúc đó,

**Tổ nói: “Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, cái gì là mặt mũi xưa nay của thượng tọa Minh?”**

Câu hỏi của Tổ vang vào tai ông như sấm nổ giữa trời không, và trên bình diện tri thức, vượt khỏi lý luận suy nghĩ.

---

<sup>140</sup> Hành giả: Người tu hành, y theo Kinh, Luật, Luận mà giữ gìn, học hỏi, suy xét. Theo một nghĩa chuyên biệt, danh từ này dùng để chỉ riêng cho những người tu học ở chùa nhưng chưa thọ giới.

**Huệ Minh liền ngộ, khắp mình đẫm mồ hôi.**

Hai yếu tố trên khiến Huệ Minh chứng ngộ.

**[Ông] khóc lóc sụp lạy nói: “Ngoài mật ý, mật ngữ đó ra, Ngài còn truyền thọ ý chỉ gì nữa chăng?”**

**Tổ nói: “Điều tôi nói với ông không có chi là mật. Nếu ông quay về nhìn mặt mũi chính mình thì mật ở bên ông.”**

**Huệ Minh thưa: “Tôi tuy ở trong tăng chúng học ngài Hoàng Mai<sup>141</sup> thực chưa từng xét kỹ mặt mũi mình. Nay đội ơn Ngài chỉ cho lối vào, như người uống nước, nóng lạnh tự hay. Giờ đây Ngài là thầy tôi vậy.”**

**Tổ nói: “Nếu được như thế, tất tôi cùng ông đều là học trò của Hoàng Mai. Nên tự khéo giữ gìn.”**

## BÌNH:

Có thể nói Lục Tổ vì việc nhà quá gấp. Lão bà cung con cháu, như trái vải đầu mùa, lột vỏ bỏ hạt nhét vô miệng, chỉ việc nuốt là xong.

---

<sup>141</sup> Hoàng Mai: Tức Hoàng Nhãn, Tổ thứ 5 Thiền tông Trung Hoa. Xuất gia lúc 7 tuổi, học đạo với Tứ Tổ Đạo Tín trong 30 mươi năm. Đắc pháp xong, đến núi Bằng Mẫu ở đất Hoàng Mai tu tập và dạy chúng. Đệ tử ngài có hai vị ưu tú nhất là Huệ Năng (638-713) và Thần Tú (606-706).

TUNG:

*Vẽ không ra chừ, tả không được,  
Khen chẳng đến chừ, đành phải thôi.  
Mặt mũi xưa nay không chỗ dấu,  
Dù tan thế giới vẫn không phai.*

\*

VMQ 24

## LÀ KHỎI NÓI NĂNG

Cử:

**Một ông tăng hỏi Phong Huyệt:**

**“Nói hay im lặng đều là vật vãng, làm sao khỏi vương mắc?”**

Phong Huyệt (896-973) là Pháp tử của Lâm Tế. Thiếu thời nghiên cứu Khổng học, sau học Phật, ban đầu theo Thiên Thai, đến năm 25 tuổi tu thiền.

“Vật vãng” ở đây theo thuật ngữ Phật giáo là vận hành trong và ngoài của tâm thức. Đầu tiên xuất hiện trong sách của Tăng Triệu, một trong bốn dịch giả dưới trướng ngài Cưu-ma-la-thập.

Trong/im lặng và ngoài/nói năng – là nhị nguyên đối đãi - đều lỗi, vậy làm sao không lỗi? Đó là câu hỏi của vị

tăng. Có thể dẫn lời của Huyền Giác trong Chứng Đạo Ca: “Nói nín động tịnh, thể an nhiên.”

**Sư đáp:**

*Giang Nam nhớ mãi ngày xuân ấm,  
Hoa lừng trong chốn chá cô<sup>142</sup> kêu.*

Phong Huyệт trích hai câu trên trong một bài thơ nổi tiếng đời Đường – với hình ảnh mùa xuân hoa nở chim hót - làm phương tiện kéo vị tăng ra khỏi thắс mắc bối rối.

**BÌNH:**

Thiền cơ của Phong Huyệт như ánh chớp, gặp đường là đi<sup>143</sup>, ngắt không phá được khuôn sáo người xưa<sup>144</sup>. Nếu chỗ này mà thấy cho xác thiết thì vạch được lối đi cho mình<sup>145</sup>. Bây giờ thử rời bỏ ngôn ngữ tam-muội<sup>146</sup>, hãy đáp một câu xem!<sup>147</sup>

---

<sup>142</sup> Chá Cô: Loài di điểu rất sợ hơi sương và khí lạnh, thường bay về phương nam để tìm hơi ấm mặt trời.

<sup>143</sup> Thiền là nhanh và sáng, ngay đó là mở đường đi.

<sup>144</sup> Nguyên câu này là ý Vô Môn chề Phong Huyệт còn trong khuôn sáo. Nhưng có phải như thế không?

<sup>145</sup> Nếu nhận ra thực nghĩa thì lẽ thực mở ra trước mặt.

<sup>146</sup> Ngôn ngữ tam-muội chỉ cho định thể của ngôn ngữ. Rời ngôn ngữ, khởi ra một hoạt dụng (tức là phần ngôn ngữ trong hiện tượng).

<sup>147</sup> Hãy nói một câu kệ hợp.

TUNG:

*Câu kia còn nguyên vẹn<sup>148</sup>, Chưa thốt<sup>149</sup> đã trọn lời<sup>150</sup>.  
Chân đi, mồm lẩm bầm, Biết ông kẹt lẩm rồi.*

\*

VMQ 25

## TÒA THỨ BA NÓI PHÁP

Cử:

**Hòa thượng Ngưỡng Sơn nằm mơ(\*) thấy đến chỗ Phật Di Lặc, ngồi tòa thứ ba. Có một tôn giả bạch chùy thưa: “Hôm nay đến phiên tòa thứ ba thuyết pháp.”**

**Sư liền đứng dậy bạch chùy nói: “Pháp Ma Ha Diễn<sup>151</sup> rời bốn câu lý luận dứt trăm cách phủ nhận. Nghe cho kỹ, nghe cho kỹ.”**

Ngưỡng Sơn Huệ Tịch (814-890) xuất gia lúc 17 tuổi, ban đầu thọ học với Ứng Chân Đàm Nguyên, đệ tử Quốc

---

<sup>148</sup> Vô Môn nhắc lại lời của Vân Môn: “Không dùng lời tra chuốt mà thẳng thừng.”

<sup>149</sup> Vượt qua ngôn ngữ.

<sup>150</sup> Đã truyền đạo tâm qua tâm.

<sup>151</sup> Ma Ha Diễn: Đại thừa, nghĩa là cỗ xe lớn chở hết chúng sinh. Theo nghĩa ấy, người tu pháp Đại thừa quyết sẽ thành Phật và quyết độ cho tất cả chúng sinh.

(\*) Giấc mơ có khuynh hướng giải tỏa áp lực nội tâm. Tâm sáng tác có giấc mơ trước tác, tâm rối loạn có giấc mơ loạn động. Bậc thánh không nằm mơ, có nghĩa nếu có mơ cũng không chấn động đến ký ức sau khi thức dậy.



Sư Huệ Trung. Sau khi Ứng Chân tịch, đến tu học và đắc pháp với Qui Sơn Linh Hựu. Sau đến núi Ngưỡng Sơn tỉnh Giang Tây lập thiền đường dạy chúng. Cùng thầy là Qui Sơn là Tổ dòng Qui Ngưỡng.

Bốn câu lý luận (Tứ cú) là bốn thể lý luận: có/không, vừa không vừa có, không phải có không phải không. Trăm cách phủ định (Bách phi), chỉ mọi lối phủ định. Thuật ngữ Tứ cú bách phi thường dùng để chỉ cho những khả năng tối đa của lý luận danh ngôn khi muốn nêu ra thực tại tuyệt đối.

### BÌNH:

Thử hỏi đó là nói pháp hay không nói pháp?

Mở miệng là sai, ngậm miệng là mất. Không mở không ngậm, mười vạn tám ngàn sai khác.

Nói hay nín đều là dụng của Pháp, chỉ tại chúng ta không nghe và nhận ra. Có lần vị tăng hỏi Ngưỡng Sơn: “Ai là người thuyết pháp?” Ngưỡng Sơn ném ngay chiếc gối vào mặt vị tăng.

Nếu chưa ngộ thì – dù mở hay ngậm, không mở không ngậm – đều xa đạo, nếu đã ngộ thì đạo ngay đó.

### TUNG:

*Ban ngày ban mặt,                    Trong mộng nói mơ.*

*Nghĩ bậy, nghĩ bậy,                    Lừa bác gạt cô.*

Chân lý lúc nào cũng rõ ràng như “Ban ngày ban mặt.” Tuy nhiên không nhận ra thì vẫn sống “Trong mộng nói mơ.” Nếu như thế thì chỉ là “Lừa bác gạt cô.”

\*

VMQ 26

## HAI TẶNG CUỐN RÈM

### Cử:

**Trước giờ thọ trai, các học tăng đến tham hỏi ngài Đại Pháp Nhãn ở chùa Thanh Lương. Sư giờ tay trở bức rèm. Bấy giờ có hai ông tăng cùng ra cuốn rèm.**

Pháp Nhãn Văn Ích (888-958), tổ dòng Pháp Nhãn. Từng học với Luật Tượng Hy Giác chùa Dục Vương ở Minh Châu, với Huệ Lãng tại chùa Trường Khánh ở Phước Châu, đắc pháp nơi La Hán Quế Sâm chùa Địa Tạng ở Thành Tây. Về sau, trụ trì chùa Thanh Lương và dạy chúng.

**Sư nói: “Một được, một mất.”**

Việc nào cũng có hai mặt, thuận lợi (được) và bất thuận lợi (mất). Hai vị tăng cuốn rèm chắc chắn được phước.

Tuy nhiên nếu hai vị ngĩ đến “được phước” thì lại “mất thiền.” Trong nhà Thiền làm mọi việc mọi sự đều phải hồn nhiên chân chất, không lệch khỏi tâm bình thường. Công án này\_tương tự VMQ 11 Triệu Châu khám Chủ Am.

### BÌNH:

Thử hỏi ai được ai mất? Nếu thấy được chỗ này thì thấy được chỗ lải nhải của Quốc Sư Thanh Lương. Tuy vậy, ky nhất là việc so đo chỗ được mất.

### TUNG:

*Rèm cuốn trông vời chốn thái không,*

*Thái không vẫn chứa hạp nguồn tông.*

*Chi bằng gạt hết từ nơi ấy.*

*Một mạch liền liền gió chẳng thông.*

Cuốn rèm tức cuốn mất mê lầm rời chứng ngộ, từ đó bầu trời thênh thang (thái không) rộng mở. Tuy như thế vẫn phải quên đi kinh nghiệm ngộ nếu muốn “hạp nguồn tông.”

\*

VMQ 27

# KHÔNG PHẢI TÂM KHÔNG PHẢI PHẬT (BNL 28)

## Cử:

**Một vị tăng hỏi hòa thượng Nam Tuyên: “Có pháp nào chưa dạy không?”**

Chân lý cứu cánh hay Pháp không thể nói ra. Chỗ này phải thâm nhận và chứng nghiệm. Đức Phật Thích-ca khi sắp nhập diệt, nói: “Ta trong 49 năm chưa hề nói một lời.”

Tắc này tương tự BNL 28, vị tăng là Bá Trọng Niết Bàn đã hỏi Bá Trọng Hoài Hải.

**Sư đáp: “Có.”**

**Ông tăng lại hỏi: “Pháp chưa dạy là pháp gì ?”**

**Sư nói: “Không phải tâm, không phải Phật, không phải vật.”**

Trước đây Mã Tổ có nói: “Tức tâm tức Phật,” nhưng nay Nam Tuyên lại bảo: “Không phải tâm, không phải Phật, không phải vật,” cốt phá kiến chấp chỉ biết tin suông và lặp lại lời người xưa mà chính mình không thực tu thực chứng.

## BÌNH:

Nam Tuyền bị hỏi một câu như thế, phải dốc hết vốn liếng, thiệt là lặn đận.

“Vốn liếng” này là của Nam Tuyền, tuy Sư dốc ra hết nhưng chúng ta có xài được không thì tùy mỗi người, ai tu nấy chứng.

## TUNG:

*DẶn kỹ làm mất đức, Không lời mới có công.*

*Dù cho dâu bẻ đổi, Đành quyết chẳng khai thông.*

Đôi khi giải thích “quá kỹ” sẽ chặn mất nguồn sáng tạo của người học nên sẽ “mất đức.” Do đó “Không lời” lại hiệu nghiệm.

\*

VMQ 28

## **CÂY ĐUỐC CỦA LONG ĐÀM**

### Cử:

**Đức Sơn tham hỏi Long Đàm cho đến tối, Sư nói: “Đã khuya, sao ông chưa về đi?”**

Long Đàm Sùng Tín (780-850), môn đệ của Thiên Hoàng Đạo Ngô (748-807) và là thầy của Đức Sơn (782-865).

Sau khi nghe lời bà lão bán bánh (VMQ 13) Đức Sơn lên đường tìm đến Long Đàm. Đầu tiên Đức Sơn hỏi: “Lâu nay nghe danh Long Đàm, nhưng đến nơi thì Đàm (đằm) chẳng thấy Long (rồng) cũng không hiện.” Long Đàm đáp: “Ngươi đã đến Long Đàm rồi.” Đức Sơn không đáp được, bèn dừng lại đây.

**Đức Sơn vái chào, vén rèm bước ra, thấy bên ngoài trời tối đen liền quay trở vào thưa: “Bên ngoài tối quá!”**

**Sư thả một cây đuốc giấy trao cho. Đức Sơn toan cầm lấy, Sư liền thổi tắt mất. Đức Sơn tỉnh ngộ, sụp lạy.**

Hành động thổi tắt là một hành động trực giác, không có dụng ý. Tính cách đột biến từ sáng qua tối tác động mạnh vào tâm Đức Sơn, khiến ngài bừng ngộ.

**Sư nói: “Ông thấy được ý nghĩa chi?”**

**Đức Sơn đáp: “Tôi từ nay trở đi hết nghi hoặc những lời dạy của chư hòa thượng trong thiên hạ<sup>152</sup>.”**

**Hôm sau Sư thẳng đường nói: “Trong đây có một kẻ rãng như rừng gươm, miệng như chậu máu, bị đánh một**

---

<sup>152</sup> Thông suốt Phật pháp, lý thuyết cũng như pháp tu.

hèo mà chẳng quay đầu lại, mai kia một nọ leo lên đỉnh cao dựng đạo của ta.”

Đức Sơn bèn đem mấy bộ số sao<sup>153</sup> đến trước Pháp đường, cầm một bó đuốc giơ lên nói: “Hết thấy mọi biện giải qua thâm chỉ như một sợi lông tơ trong thái hư, hết thấy mọi yếu quyết chỉ như một giọt nước đổ xuống vực.”

**Bèn đốt hết các bộ số sao rồi vái lạy ra đi.**

### BÌNH:

Đức Sơn trước khi ra cửa, tâm hùng hực, miệng hàm hăm.

Sư dong ruổi về Nam, quyết tâm dập tắt yếu chỉ Giáo ngoại biệt truyền<sup>154</sup>. Trên đường đến Lễ Châu, Đức Sơn hỏi một bà lão để mua bánh ăn điểm tâm.

Bà lão nói: “Trong xe của Đại đức có chớ sách vở gì đó?”

Đức Sơn đáp: “Mấy bộ số sao Kinh Kim Cương.”

---

<sup>153</sup> Số sao: Số là chú giải, sao là sao lục. Số sao là những bản sao chép và chú giải các Kinh, Luật, Luận.

<sup>154</sup> Giáo ngoại biệt truyền: Truyền riêng ngoài giáo điển. Ở công án thứ 6 của tập này, ta thấy Phật truyền tâm ấn cho ngài Ca-diếp, đã dùng yếu chỉ Giáo ngoại biệt truyền.

Bà lão nói: “Cứ như trong kinh dạy, tâm quá khứ không nắm được, tâm hiện tại không nắm được, tâm vị lai không nắm được, vậy Đại đức điềm tâm nào?”

Đức Sơn bị bà lão hỏi như vậy mà vẫn không chịu chết quách đi, lại còn hỏi trở lại bà “Gần đây có tông sư nào không?”

Bà đáp: “Hòa thượng Long Đàm ở cách đây hơn năm dặm.”

Đức Sơn bèn tới Long Đàm, giở hết trò bê bối, thiệt là cà kê dê ngỗng. Long Đàm thực như người thương con không sợ xấu, thấy kẻ kia có đôi chút lừa, vội lấy nước dơ dập tắt liền<sup>155</sup>. Bình tĩnh xét lại, thực đáng nực cười.

TUNG:

*Nghe tên chẳng được như nhìn mặt<sup>156</sup>,*

*Nhìn mặt sao bằng nghe được tên<sup>157</sup>.*

*Dầu đã khai thông đường mũi nọ<sup>158</sup>,*

*Ngặt rằng mắt ấy lại đui liền<sup>159</sup>.*

\*

---

<sup>155</sup> Dập tắt kiến chấp mê lầm nhưng đồng thời vẫn mời ngọn lửa mới.

<sup>156</sup> Nghe hiểu nhưng chưa thực chứng.

<sup>157</sup> Thực chứng thì cũng thấy như thường.

<sup>158</sup> Đã ngộ là một bước tiến quan trọng.

<sup>159</sup> Tuy ngộ rồi nhưng chưa sâu, chưa thuần thực.



## CHẰNG PHẢI GIÓ, CHẰNG PHẢI PHƯỚC

### Cử:

**Nhân gió lay phước<sup>160</sup>, có hai ông tăng tranh luận.**

**Một ông nói: “Phước động.”**

**Ông kia nói: “Gió động.”**

**Cãi qua cãi lại không ra lẽ. Lục Tổ nói: “Không phải gió động, không phải phước động, tâm các ông động.”**

**Hai ông tăng giật mình run sợ.**

Vì có gió thổi nên lá phước động. Đây là hiện tượng tự nhiên – như đang là – tức không có vấn đề, nhưng vấn đề ở chỗ hai ông tăng tranh cãi – 6 căn dính với 6 trần – nên bất giác loạn động và có thể tạo nghiệp. Lục Tổ đã sáng suốt lôi hai vị tăng về trạng thái tâm của chính mình. Giai thoại này không dừng ở thời Lục Tổ mà tiếp nối qua thời ngài Động Sơn.

Thiền sư Động Sơn đời Đường, đức độ nổi tiếng nên nhiều vị tăng hành khước đến viếng. Dưới chân núi có một bà ni ở trong một thiền thất. Bà tu hành chứng đạo

---

<sup>160</sup> Phước: Hay phan, một thứ cờ không cán, làm bằng lụa, dài và nhỏ, treo từ trên xuống dưới. Phước được treo lên để biểu dương sự oai nghiêm của Phật. Trong các dịp lễ lớn, người ta thường treo phước ở chùa, giữa khoảng đất trống.

và tình nguyện làm người giữ cổng cho ngôi chùa núi này.

Một buổi chiều mùa thu có mười bảy vị tăng từ mọi nẻo đường phía bắc đến viếng Động Sơn. Đến thất của bà ni, trời quá tối, nên họ quyết định xin nghỉ lại dưới chân núi. Bà ni mời họ ăn cơm. Trong khi nấu cơm trong bếp, bà nghe họ tranh cãi về công án ‘Lục Tổ với Gió Động, Phướn Động.’ Sau bữa ăn, họ hỏi ý kiến bà về công án trên.

Bà nói: “Không phải gió, không phải phướn, không phải tâm. Chỉ là như thế.” Và bà phất tay áo đi mất.

Mười bảy vị tăng nghe qua, tất cả đều ngộ.

Sáng hôm sau, họ quyết định không lên núi viếng ngài Động Sơn nữa, và lên đường trở về.

Nếu thấy chỗ này cho được xác thiết, mới biết hai ông tăng đổi sắt được vàng. Lục Tổ nhin không được, phải một phen lộn độn.

### BÌNH:

Không phải gió động, không phải phướn động, không phải tâm động, thấy Tổ sư ở đâu?

### TUNG:

*hơi*  
*Gió, phướn, tâm động,*

*Nhận liền một*

*Chỉ hay mở miệng,*

*Nào ngờ lời rơi.*

\*

## TỨC TÂM TỨC PHẬT

### CỬ:

**Đại Mai hỏi Mã Tổ: “Phật là gì?”**

**Sư đáp: “Tức tâm tức Phật.”**

Đại Mai Pháp Thường (752--839) thọ học và đắc pháp với Mã Tổ (707-786). Ngộ xong thì vào núi sống ẩn dật.

Mã Tổ Đạo Nhất (707-786), hiệu là Đại Tịch, thọ học và đắc pháp với Nam Nhạc Hoài Nhượng (677-744). Có 84 môn đệ, nổi tiếng nhất là Nam Tuyền, Bách Trượng, Đại Mai.

### BÌNH:

Nếu thấy liền được như vậy thì mặc áo Phật, ăn cơm Phật, nói lời Phật, làm việc Phật. Tức là Phật vậy. Tuy như thế, Đại Mai đã khiến bao người nhận lầm phương hướng<sup>161</sup>. Đâu biết rằng nói một chữ Phật phải ba ngày súc miệng. Nếu là người có trí, nghe nói tức tâm tức Phật thì bịt tai mà chạy.

---

<sup>161</sup> Vô Môn cảnh báo đệ tử đừng rơi vào hiểu biết cạn cợt lời của Mã Tổ.

TUNG:

*Sự việc vốn rõ ràng, Đừng tìm kiếm lang bang<sup>162</sup>.*

*Còn hỏi han này nọ, Cảm tang vật kêu oan<sup>163</sup>.*

\*

VMQ 31

## TRIỆU CHÂU KHÁM PHÁ BÀ LÃO

Cử:

Có vị tăng hỏi một bà lão: “Đường nào đi núi Ngũ Đài?”

Bà lão đáp: “Cứ đi thẳng.”

Vị tăng mới đi năm ba bước, bà lại nói: “Đường đường một ông thầy tu, cứ thế mà đi kìa!”

Sau có người kể lại Triệu Châu. Sư nói: “Để ta tới xem bà lão này ra sao.”

Núi Ngũ Đài là một trong bốn ngọn núi thiêng ở Trung Hoa, tương truyền là trú xứ của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, tượng trưng cho căn bản trí. Vị tăng hỏi đường đi Ngũ Đài có thể chỉ muốn viếng cảnh chiêm bái thường tình. Bà lão phải là người hội thiên nên không trả lời theo thói

---

<sup>162</sup> Đừng tìm Phật ngoài mình.

<sup>163</sup> Đã có “hạt châu trong ché áo” mà còn than van.

thường mà muốn giúp vị tăng trở về căn bản trí, tất nhiên thẳng vào tâm, nên nói “Cứ đi thẳng.”

Vị tăng không hiểu ý đi thẳng “bằng chân” nên không đến được Ngũ Đài, nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Nhiều vị tăng lâm vào tình cảnh này và phải quay về. Tiếng đồn lan xa đến hội chúng của Triệu Châu, nên ngài đi “khám phá bà lão.”

**Hôm sau Sư bèn đến, cũng hỏi như vậy, bà lão cũng đáp như vậy.**

**Sư trở về nói với tăng chúng: “Bà lão ở Đài Sơn, ta đã khám phá cho các ông rồi.”**

Tuy bà cũng nói như trước, nhưng Triệu Châu “quay về” chớ không “đi thẳng” như nhiều người khác, do đó đã khám phá rồi, tức là nhận ra căn bản trí.

BÌNH:

Bà lão chỉ biết ngồi trong trường liệu việc binh, bị giặc đến mà không biết. Còn lão Triệu Châu giỏi việc cướp trại, lại không ra người lớn đàng hoàng. Xét kỹ lại, cả hai đều có lỗi. Thử hỏi đâu là chỗ Triệu Châu khám phá bà lão?

TUNG:

*Hỏi đã là một,                      Đáp cũng không hai.*

*Trong cơm có sạn, Trong bùn có gai.*<sup>164</sup>

\*

---

<sup>164</sup> Trong sự tu không phải luôn suông sẻ mà đều có thử thách.

**NGOẠI ĐẠO HỎI PHẬT (BNL 65)**

**Cử:**

**Một ngoại đạo bạch Phật: “Không hỏi lẽ hữu ngôn, không hỏi lẽ vô ngôn.”**

**Phật ngồi im.**

Hữu ngôn, vô ngôn đều là hai bên đối đãi. Phật ngồi im tức không kẹt hai bên. Đây là “im lặng sấm sét” vẫn đủ công năng chuyển hóa ngoại đạo.

**Ngoại đạo tán thán: “Đức Thế Tôn đại từ bi, vén lớp mây mờ khiến tôi có chỗ vào.”**

**Rồi bái lạy mà đi. A Nan bèn bạch Phật:**

**“Ngoại đạo chúng được điều gì mà tán thán rồi đi như vậy?”**

A-nan lúc bấy giờ chưa chứng ngộ quả vị A-la-hán nên không nhận ra sự truyền thông thâm lặng của đức Phật.

**Phật dạy: “Nhu ngựa hay, thấy bóng roi liền chạy.**

Chỉ thấy bóng roi - chưa trực tiếp đau khổ - đã biết tu.

**BÌNH:**



A Nan là đệ tử của Phật mà kiến giải không bằng ngoại đạo. Thử hỏi kẻ ngoại đạo cùng đệ tử của Phật khác nhau bao nhiêu?

TUNG

*Đi trên lưôi gươm trần, Chạy trên bờ băng mỏng<sup>165</sup>.*

*Không có bậc có thêm<sup>166</sup>, Buông tay mà trèo núi<sup>167</sup>.*

\*

---

<sup>165</sup> Gươm trần, băng mỏng đều là chỗ cực kỳ nguy hiểm, sơ sẩy là mất mạng.

<sup>166</sup> Tu khi đạt ngộ không có từng bậc mà đột biến.

<sup>167</sup> Buông bỏ tất cả, với tay không mới có thể đạt đạo.

## CHẲNG TÂM, CHẲNG PHẬT

### CỬ:

**Một ông tăng hỏi Mã Tổ: “Phật là gì?”**

**Sư đáp: “Chẳng tâm, chẳng Phật.”**

Mã Tổ khi xưa chỉ dạy Đại Mai: “Tức tâm tức Phật,” Đại Mai chứng ngộ, liền vào núi ẩn dật. Mã Tổ liền sai một vị tăng đến thăm dò Sư.

Tăng hỏi: “Hòa Thượng gặp Mã Tổ được gì về ở núi này?”

Sư: “Mã Tổ nói với tôi ‘Tức tâm tức Phật.’”

Tăng: “Gần đây Mã Tổ nói ‘Chẳng tâm chẳng Phật.’”

Sư: “Ông già mê hoặc người chưa có ngày xong, mặc ông ‘Chẳng tâm chẳng Phật,’ tôi chỉ biết ‘Tức tâm tức Phật.’”

Tăng trở về thưa lại với Mã Tổ những lời Sư nói. Mã Tổ nói với đại chúng: “Trái mai đã chín.”

### BÌNH:

Nếu thấy được chỗ đó, việc tham học đã xong.

TỤNG:

*Gặp tay kiếm khách hãy trình kiếm,  
Không gặp người thơ chớ nói thơ<sup>168</sup>.  
Mới gặp đôi lời thưa ước đã,  
Chớ trình rớt chuyện lúc ban sơ.*

\*

VMQ 34

## TRÍ CHẴNG PHẢI ĐẠO

Cử:

**Nam Tuyền nói: “Tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo.”**

“Chẳng phải” của Nam Tuyền có nghĩa không giống như chúng ta thường hiểu hay định ninh, như câu của Mã Tổ - là thầy của Nam Tuyền - là: “Chẳng tâm chẳng Phật.”

BÌNH:

Lão Nam Tuyền thật là già không biết thẹn. Mới mở miệng hôi, thói nhà đã lộ<sup>169</sup>. Tuy như vậy, kẻ biết ơn cũng ít.

---

<sup>168</sup> Lời nói phải phù hợp với người nghe.

<sup>169</sup> Thực nghĩa của Thiền.

TỤNG:

*Mây quang, vàng nhật rọi<sup>170</sup>, Mưa về, đất được tưới<sup>171</sup>.*

*Dốc lòng nói hết ra.*

*Chỉ e tin không nổi.*

\*

VMQ 35

## CÔ THANH LÌA HỒN

Cử:

**Ngũ Tổ hỏi một ông tăng: “Cô Thanh lia hồn, cô nào là thật?”**

Ngũ Tổ Pháp Diễn (1019-1099) dòng Lâm Tế, rất giỏi về Duy thức. Thọ học và đắc pháp với Bạch Vân Thủ Đoan. Từng thủ chúng ở nhiều chùa, sau đến trụ trì núi Ngũ Tổ (tức núi Hoàng Mai, nơi hoằng hóa của Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn). Môn đệ nổi tiếng của Sư là Viên Ngộ Khắc Cần (trước tác Bích Nham Lục).

Cô Thanh là một nhân vật trong truyện truyền kỳ Trung Hoa, rất đẹp, thuở nhỏ cha mẹ thường đùa gán ghép với anh cô cậu, hai người đâm ra yêu nhau. Lớn lên, tình duyên trắc trở, Thanh không lấy được người yêu, bệnh

---

<sup>170</sup> Chân lý bao giờ cũng rõ ràng, chỉ vì chúng ta chưa nhận ra.

<sup>171</sup> Với tâm tình giác thì vũ trụ, cõi giới luôn đầy ân phúc.

nặng nằm mê man, hôn lìa đi tìm người yêu. Hai người ăn ở với nhau trong hai năm, sinh con cái. Năm năm sau họ nhớ quê nên tìm về nhà cũ. Để cô Thanh trên thuyền, người chồng về nhà cha mẹ cô xin tạ tội đã bỏ đi bấy lâu. Lạ lòng thay cha mẹ cho biết cô Thanh vẫn còn bệnh nằm mê man. Như vậy có hai cô Thanh, một ở dưới tàu, một nằm tại nhà. Khi cô Thanh rời tàu trở về nhà, xác cũ nhập lại thành một.

Tất cả hiện tượng – từ cảnh đến người – đều do nhân duyên. Không có cái ngã trường tồn cố định, và cũng không có một thực thể nào gọi là “hồn.”

### BÌNH:

Nếu chỗ này mà hiểu cho xác thiết thì thấy rằng thoát xác, nhập xác như ra vào quán trọ. Còn như chưa, chớ nên chạy bậy. Một mai đất, nước, lửa, gió<sup>172</sup> phân tán, như cua đĩnh bị thả nước sôi, chân tay luống cuống. Lúc ấy chớ bảo rằng ta không nói trước.

### TUNG:

---

<sup>172</sup> Đất, nước, lửa, gió: Thủy, thổ, hỏa, phong tức Tứ đại là những yếu tố thành phần do sự vận hành tụ hoặc tán mà tạo nên vạn hữu trong vũ trụ vật chất.

*Mây, trăng không khác, Khe, núi chẳng đồng*<sup>173</sup>.

*Vạn phước, vạn phước, Một chẳng, hai chẳng?*

\*

VMQ 36

## GẶP NGƯỜI ĐẮC ĐẠO

**Cử:**

**Ngũ Tô [Pháp Diễn] nói: “Giữa đường gặp người đắc đạo, chớ nói hay im mà đối đãi. Thử hỏi đối đãi ra làm sao?”**

Có thể dẫn lời của Huyền Giác trong Chứng Đạo Ca: “Nói nín động tịnh, thể an nhiên.” (VMQ 24 LÀ KHỎI NÓI NẶNG.)

---

<sup>173</sup> Mọi vật hình tướng thay đổi khác nhau, nhưng thể tánh vẫn là không.

BÌNH:

Nếu ở đây mà đối đãi cho được xác thiết, há chẳng thú sao?

Còn nếu chưa được như thế thì phải lắm cẩn thận<sup>174</sup>.

TUNG:

*Trên đường hễ nhận ra người đạo,  
Chớ nói hay im đối đãi người.  
Thẳng mặt tổng liền cho một đấm,  
Hễ mà hiểu được, hiểu liền thôi.*

\*

VMQ 37

## CÂY BÁCH TRƯỚC SÂN

Cử:

**Một vị tăng hỏi Triệu Châu: “Ý Tổ sư sang Đông là gì?”**

**Sư đáp: “Cây bách ở trước sân.”**

Tổ thứ 28 Ấn Độ (Tây Thiên) là Bồ-đề Đạt-ma vâng lệnh thầy là tổ thứ 27 sang Trung Hoa (Đông Độ) với yếu chỉ

---

<sup>174</sup> Phải hằng tỉnh giác.

truyền bá Thiên tông. Đó là ý nghĩa của “Tây lai ý” theo sử học. Nhưng trên thực nghĩa của Thiên thì đây là “Đại ý Phật pháp,” tức là Bất lập văn tự /Giáo ngoại biệt truyền/Trực chỉ nhân tâm/Kiến tánh thành Phật.

“Cây bách trước sân” là Đại ý Phật pháp, thực tại hiện tiền.

### BÌNH:

Nếu thấy rõ được chỗ đáp của Triệu Châu thì trước không có Thích Ca, sau không có Di Lặc.

### TUNG:

*Lời không tả chuyện, Tiếng chẳng hợp duyên.*

*Deo lời mất mạng, Vương câu tối lòng.*

Tâm tự phong phú và phát triển nhờ dùng ngôn ngữ. Tuy như thế, cái biết tinh thuần nơi tâm vẫn là trực giác, trong khi bản chất của ngôn ngữ vẫn giữ là ý niệm. Ý niệm là bản sao của cái biết tinh thuần và không thể diễn tả trực tiếp sự vật được.

Tuy nhiên trong ngôn ngữ tam-muội<sup>175</sup> ta có thể đạt được cái biết tinh thuần nhờ ngôn ngữ. Ta có thể chứng

---

<sup>175</sup> Ngôn ngữ tam-muội chỉ cho định thể của ngôn ngữ. Rời ngôn ngữ, khởi ra một hoạt dụng (tức là phần ngôn ngữ trong hiện tượng).



nghiệm như thế khi đọc kinh sách. Câu “Ngôn ngữ không thể diễn tả sự vật” chỉ là cảnh báo chứ không phải chỉ là ý niệm suông mà có thể thành tựu cái biết tinh thuần – như trong trường hợp cây bách trước sân ở đây.

\*

VMQ 38

## TRÂU QUA KHUNG CỬA

### Cử:

**Ngũ Tổ [Pháp Diễn] nói: “Ví như con trâu đi qua khung cửa, đầu, sừng, bốn chân đã lọt, sao đuôi lại không lọt được?”**

Tu thiền chúng ta phải chứng nghiệm một phen Đại Từ. Dòng vận hành của tâm thức phải chết hẳn trong Định tuyệt đối. Cảm nhận ban đầu buông xả, rồi thân và tâm vắng bật. Đó là “Trâu qua khung cửa.”

Những bộ phận lớn của trâu “Đầu, sừng, bốn chân đã lọt,” có nghĩa phát hiện và nhận diện niệm khởi rồi cho qua tất.

Bây giờ chiếc đuôi nhỏ bé lại qua không lọt. Nguyên câu nói của Ngũ Tổ trích từ kinh Phật như sau:

*Một vị vua hỏi Phật về giấc mơ thấy con voi trốn chạy khỏi hàng rào. Mũi, tai, thân và bốn chân đều qua, chỉ*

*cái đuôi bị vương lại vào một vật. Phật bảo: “Giác mơ này là điềm báo người tu đời sau, tuy xuất gia ra khỏi nhà thế tục, nhưng không tránh khỏi dục lạc và danh lợi.”*

Kinh nhấn mạnh đến giới luật trong khi công án của Ngũ Tổ cảnh tỉnh về bản ngã trên hai mặt giới luật và tâm linh.

### BÌNH:

Nếu thấy được chỗ hiểm hóc này<sup>176</sup>, hạ nổi một câu chuyển ngữ thì trên báo được bốn ơn<sup>177</sup>, - dưới độ được ba cõi<sup>178</sup>. Còn nếu chưa, phải nên lưu ý đến cái đuôi kia.

### TUNG:

*Bước tới lọt xuống hố, Lui về lại hoại thân,  
Đuôi kia xem chẳng mấy, Có sao kỳ quái vậy?*

\*

VMQ 39

## VÂN MÔN SẴY LỜI

---

<sup>176</sup> Thâm nhập công án và mở được con mắt Thiền.

<sup>177</sup> Bốn ơn: Ơn cha mẹ, ơn chúng sinh, ơn vua, ơn Tam Bảo.

<sup>178</sup> Ba cõi: Tam hữu, tam giới; Ba cảnh giới của mọi chúng sinh: Dục giới, sắc giới, vô sắc giới.

## Cử:

**Vị tăng hỏi Vân Môn: “Quang minh tịch chiếu biến hà sa<sup>179</sup>.”**

**Lời nói chưa dứt, Sư vụt hỏi: “Chẳng phải thơ của Tú tài Trương Chuyết đó sao?”**

**Ông tăng đáp: “Phải.”**

**Sư nói: “Sẩy lời rồi vậy!”**

Tú tài Trương Chuyết thọ học và đắc pháp với Thạch Sương Khánh Chư (807-888). Lần đầu đến tham vấn, Sư hỏi: “Tú tài tên họ gì?” Chuyết thưa: “Họ Trương tên Chuyết.” Sư: “Tìm cái xảo (khéo) còn không thể được, chuyết (vụng) từ đâu lại?” Chuyết chột tỉnh ngộ, trình bày kệ với câu đầu như trên.

Vân Môn vì muốn thử nghiệm vị tăng nên khi Tăng mới đọc câu đầu bài kệ đã ngắt ngay và hỏi: “Chẳng phải thơ của Tú tài Trương Chuyết đó sao?” Tăng chưa hội thiền nên đáp xuôi xị: “Phải,” tức lặp lại y khuôn, không một chút sáng tạo. Do đó Vân Môn bảo: “Sẩy lời rồi vậy!”

---

<sup>179</sup> Quang minh tịch chiếu biến hà sa: ánh sáng tịch tịnh soi khắp các cõi thế giới nhiều như số cát sông Hằng. Nguyên bài kệ như sau: *Quang minh lặng chiếu khắp hà sa/Phàm thánh hàm linh vốn chung nhà/Một niệm chẳng sinh toàn thể hiện/Sáu căn vừa động bị che lòa/Phá trừ phiền não càng thêm bệnh/Tìm đến chân như âu cũng tà/Tùy thuận các duyên không chướng ngại/Niết-bàn sinh tử thủy không hoa.*

Về sau Tử Tâm <sup>180</sup> nhắc chuyện lại, bàn rằng: “Thử hỏi đâu là chỗ ông tăng bị sẩy lời?”

BÌNH:

Nếu ở đây mà thấy được chỗ dụng bí hiểm của Vân Môn cùng chỗ sẩy lời của ông tăng, thì có thể làm thầy ở hai cõi trời, người. Còn nếu chưa rõ thì tự cứu mình cũng không xong.

TUNG:

*Nước xiết buông câu, Tham mồi mắc họa.*

*Miệng vừa mới há, Tính mạng còn đâu.*

Có tự do về chính trị, kinh tế hay xã hội – đều bị hoàn cảnh bên ngoài chi phối. Nhưng thoát khỏi tham dục mới là tự tại. Chúng ta không bị bên ngoài chi phối mà bị chính tham dục của mình ràng buộc. “Miệng vừa mới há,” đã mất tự tại, mất luôn tính mạng.

\*

VMQ 40

---

<sup>180</sup> Tử Tâm Ngô Tân (1043-1115): Môn đệ của Hối Đường Tổ Tâm (1025-1100).

## ĐÁ ĐỎ TỊNH BÌNH

### Cử:

**Hòa thượng Qui Sơn Linh Hựu trước ở với tổ Bá Trượng, giữ chức diễn tọa.**

Qui Sơn Linh Hựu (770-853), họ Triệu, quê ở Phúc Châu. Xuất gia năm 15 tuổi với luật sư Pháp Thường chùa Kiến Thiện tại bốn quận. Sau đến chùa Long Hưng ở Hàng Châu thọ giới. Trước học giáo lý Đại thừa và Nguyên thủy, 23 tuổi đến Giang Tây học với Bá Trượng, bảy giờ 74 tuổi.

Tu-mã đầu-đà, một thiền sư thông cả địa lý và tướng số, từ Hồ Nam đến yết kiến Bá Trượng, thưa: “Núi Qui là thắng cảnh nên lập đại đạo tràng kết tập bạn pháp.

Bá Trượng: “Lão tăng muốn đến núi Qui, nên chăng?”

Sư: “Núi Qui kỳ tuyệt có thể họp một ngàn năm trăm chúng, nhưng chẳng phải chỗ Hòa Thượng ở, vì Hòa Thượng là người xương, núi kia là núi thịt. Dù có ở, đồ đệ chẳng đầy một ngàn.”

**Bá Trượng [liên tập họp chúng] sắp chọn người làm chủ (trụ trì) núi Đại Qui, bèn dạy Sư cùng thủ tọa ra đối đáp trước chúng, xem ai xuất cách sẽ được phái đi.**

**Bá Trọng cầm tịnh bình đặt xuống đất, hỏi: “Không được gọi là tịnh bình thì gọi là cái gì?”**

**Thủ tọa đáp: “Không thể gọi là khúc cây.”**

**Bá Trọng quay sang hỏi Sư. Sư bèn đá đổ tịnh bình mà đi.**

**Bá Trọng cười nói: “Đệ nhất tòa thua mất hòn núi rồi!”**

**Và phái Sư đi làm tổ khai sơn.**

Hành động của Linh Hựu đá đổ tịnh bình (dụng) xác nhận biết rõ là tịnh bình nhưng không kẹt vào danh xưng (thể) – như Lão Tử đã nói: “Đạo không thể hiểu mới là Đạo bất diệt. Tên không nói ra lời mới là tên trường cửu.”

## BÌNHH:

Qui Sơn một phen dững mẫn<sup>181</sup> vẫn không vượt qua được cái bẫy của Bá Trọng<sup>182</sup>. Xét cho kỹ thì ra bỏ nhẹ lựa nặng<sup>183</sup>. Sao vậy? Tránh khỏi trùm đầu<sup>184</sup> lại bị gông sắt<sup>185</sup>.

---

<sup>181</sup> Linh Hựu chỉ thiết tha tâm mình, không màng làm tổ khai sơn núi Qui

<sup>182</sup> Tuy không màng làm tổ nhưng vẫn phải vâng lời thầy.

<sup>183</sup> Bỏ chức vụ điển tọa (nhẹ) để lãnh trụ trì (nặng).

<sup>184</sup> Khi nấu bếp đội mũ vải trên đầu.

<sup>185</sup> Trách nhiệm nặng nề.

TUNG:

*Giỏ tre vá canh<sup>186</sup> buông bỏ liền  
Thẳng đường phá tan mọi ràng buộc  
Cửa ải Bá Trượng không cản bước  
Một đá ngàn Phật bỗng hiện tiền<sup>187</sup>.*

\*

VMQ 41

## ĐẠT MA AN TÂM

Cử:

**Sơ Tổ Đạt Ma ngồi ngó vách. Nhị Tổ đứng giữa tuyết, tự chặt tay mà thừa:**

Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma (460-528) Thiền Tông Trung Hoa và là tổ thứ 28 Thiền Tông Ấn Độ. Con vua nước Hương Chí, ở phía nam Ấn Độ. Xuất gia lúc còn nhỏ, được thầy là Bát Nhã Đa La truyền tâm ấn. Năm 520, theo đường thủy đến Quảng Châu (Trung Hoa), được Lương Võ Đế mời đến Kim Lăng giảng pháp. Nhận thấy chưa đủ cơ duyên tuyên đạo, ngài vào núi Tung Sơn tịnh tu tại chùa Thiếu Lâm. Trong chín năm diện bích (quay mặt vào tường) và thuyết pháp, ngài đã truyền Pháp môn “Thấy

---

<sup>186</sup> Dụng cụ nhà bếp, chỉ cho trách nhiệm trưởng bếp.

<sup>187</sup> Từ cửa Qui Sơn về sau ra đời nhiều thiền sư kiệt xuất.

tánh thành Phật” và phương pháp tu tập Thiền định. Sau khi truyền tâm ấn cho Huệ Khả, ngài lên đường về Thiên Trúc, giữa đường ngài tịch và được an táng tại núi Hùng Nhĩ ở Tung Châu. (Có thuyết bảo rằng ngài bị đánh thuốc độc, có thuyết bảo ngài tịch ở Ấn Độ vào năm 120 tuổi, lại có thuyết bảo không hề hay biết ngài tịch vào lúc nào...).

Nhị Tổ Huệ Khả (486-593) tổ thứ 2 Thiền Tông Trung Hoa, người Lạc Dương, hiệu là Thần Quang, đổi là Tăng Khả rồi Huệ Khả. Mới đầu rất tinh thông ngoại điển (Nho, Lão...), sau nghiên cứu Tiểu Thừa và Đại Thừa, Năm 41 tuổi, đến chùa Thiếu Lâm xin yết kiến Đạt Ma Tổ Sư, tự chặt tay để tỏ lòng chân thành cầu đạo, cuối cùng được ngộ lý và được truyền y bát.

**“Tâm đệ tử không an, xin Ngài an cho.”**

Huệ Khả tuy gan dạ đứng giữa tuyết chặt đứt cánh tay, nhưng không thể chặt đứt tâm niệm bất an. Trong kinh Kim Cang, Phật bảo Tu-bồ-đề: “Tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai bất khả đắc,” có nghĩa tâm thức hay niệm tưởng không có thực thể cố định riêng biệt. Do đó cho dù là tâm bất an thì vẫn thấy đó mất đó.

**Sơ Tổ dạy: “Đưa tâm ra đây ta an cho.”**



Câu nói của Tổ như dao bén chặt đứt ngay tâm bất an của Huệ Khả, nói cách khác lời Huệ Khả trở về thực tại trước mắt. Cho nên:

**Nhị Tổ thưa: “Đệ tử tìm tâm mãi không được.”**

**Sơ Tổ nói: “Ta an tâm cho ông rồi.”**

### BÌNH:

Lão già Hồ sún răng<sup>188</sup>, mười vạn dặm do thuyền vượt biển mà đến, thiệt quả là không gió mà nổi sóng. Sau rút thuyền thụ được cho một người, lại sáu căn<sup>189</sup> không đủ.

Hỡi ôi, cậu Ba họ Tạ không biết chữ Bốn<sup>190</sup>!

### TUNG:

*Sang Đông chỉ thẳng, Bày chuyện trao truyền.*

*Náo loạn chùa chiền, Nguyên do tại lão*

\*

---

<sup>188</sup> Lão già Hồ sún răng: Chỉ Sơ Tổ Đạt Ma, người Tây Thiên (Người Trung Hoa gọi là dân Hồ). Có truyền thuyết bảo rằng trong buổi gặp gỡ vấn đạo, Huệ Khả (bấy giờ còn lấy hiệu là Thần Quang) đã dùng thước đánh gãy răng ngài Đạt Ma.

<sup>189</sup> Sáu căn: 6 quan năng tri giác của con người: Nhãn (mắt), Nhĩ (tai), Ty (mũi), Thiệt (lưỡi), Thân (Thân, xúc giác), ý (ý tưởng).

<sup>190</sup> Cậu Ba họ Tạ không biết chữ Bốn: Cậu họ Tạ quá dốt, vì là còn thứ ba (Tạ Tam Lang) nên chỉ biết Nhất, Hai, Ba, không biết chữ nào thêm nữa.

## NỮ NHÂN XUẤT ĐỊNH

### Cử:

Một hôm Phật giảng pháp, có chư Phật mười phương tụ hội. Ngài Văn Thù đến đó, gặp lúc chư Phật vị nào đều trở về quốc độ vị đó, chỉ còn lại một nữ nhân đến gần Phật tòa nhập định.

Văn Thù bạch Phật: “Nữ nhân nào mà lại đến gần được Phật tòa, còn tôi thì không đến gần được?”

Phật dạy Văn Thù: “Ông cứ khiến nàng xuất khỏi tam muội mà tự hỏi lấy.”

Văn Thù đi quanh nữ nhân ba vòng, búng tay một cái, rồi nâng lên đến trời Phạm thiên<sup>191</sup>, lại dùng đủ hết các môn thần lực mà không sao thức nàng được.

Văn Thù tượng trưng cho căn bản trí, thường xuất hiện bên cạnh Phật trong các pháp hội để tán thán công đức của Phật. Hình ngài thường được vẽ với gương Trí bên tay phải và hoa sen xanh bên tay trái, đôi khi người ta vẽ ngài ngồi trên sư tử.

Phật dạy: “Dù cho trăm ngàn Văn Thù cũng không thể khiến nàng ra khỏi định được. Ở phương dưới, qua

---

<sup>191</sup> Trời Phạm Thiên: cảnh thanh tịnh của Sơ Thiên trong sắc giới.

khỏi số quốc độ nhiều bằng số cát của mười hai ức sông Hằng<sup>192</sup>, có Bồ Tát Vông Minh<sup>193</sup> mới có thể đánh thức nàng được.”

Liên đó Ngài Vông Minh từ dưới đất vọt lên chấp tay bái Phật. Phật sai Vông Minh đến đánh thức nữ nhân. Vông Minh đến bên nàng, búng tay một cái, nàng liền xuất khỏi định.

Võng Minh là Bồ-tát hàng sơ địa nên công phu tu tập chủ yếu trong sinh hoạt đời thường.

### BÌNH:

Lão Thích Ca dựng ra tuồng này đâu phải là chuyện chơi? Thử hỏi, Văn Thù là thầy của bảy vị Phật<sup>194</sup>, sao lại không thể làm nàng kia xuất định được?

Võng Minh mới chỉ là Bồ Tát Sơ địa<sup>195</sup> sao lại làm được việc ấy?

---

<sup>192</sup> Kinh thường dùng số cát sông Hằng để chỉ con số rất lớn, không đếm được.

<sup>193</sup> Vông Minh có nghĩa chung tử vô minh.

<sup>194</sup> Bảy vị cổ Phật, 3 vị ở Trang Nghiêm kiếp là Tỳ Bà Thi (Vipacying) Thi Khí (Cikhin), Tỳ Xá Phù (Visvabhu); 4 vị trong Hiền kiếp là Ca La Ca Tôn Đại (Kracchanda), Câu Na Hàm Mâu Ni (Kranakamouni), Ca Diếp (Kacyapa), Thích Ca Mâu Ni (Cakyamouni).

<sup>195</sup> Bồ Tát Sơ địa: Bồ Tát (Bodhisattava) là vị đã đắc quả nhưng nguyện độ hết chúng sinh rồi mới thành Phật. Sơ địa còn gọi là Hoan Hỷ địa, là địa vị đầu tiên trong mười địa vị (Thập địa) mà Bồ Tát phải chứng nhập trước khi thành Phật.

Có Tứ Trí: 1/ Đại Viên cảnh Trí và 2/ Bình Đẳng Tánh Trí thuộc về căn bản trí (thể), tượng trưng là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi.

3/ Diệu Quan Sát Trí và Thành Sở Tác Trí thuộc về sai biệt trí (dụng – trong sinh hoạt đời thường), tượng trưng là Bồ-tát Phổ Hiền.

Nếu thành tựu hết Tứ Trí thì thành Phật. Bồ-tát Vông Minh đã thành tựu căn bản trí nhưng đang tu tiếp đến sai biệt trí, do đó có thể kéo nữ nhân xuất định trở lại sinh hoạt đời thường.

Nếu chỗ này thấy cho được xác thiết thì dù nghiệp thức mênh mang, vẫn Na Già đại định<sup>196</sup>.

### TUNG:

*Thức được, thức không được, Hai đàng vẫn tự do<sup>197</sup>.*

*Đầu thân cùng mặt quý, Lận đận mà phong lưu.*

Na-già định còn gọi là Tự chủ hay Du-hý tam-muội, tức định giữa đời thường, tuy lận đận mà vẫn phong lưu.

\*

### VMQ 43

---

<sup>196</sup> Na-già: Nagas, Long vương, Kinh Bốn Hạnh Tập ví Phật như Rồng và nói: “Na-già thường tại định, vô hữu bất định thời (không lúc nào là không định.)”

<sup>197</sup> Trong Na-già định không có sự phân biệt giữa được/mất.

## GẬY TRÚC CỦA THỦ SƠN

### CỬ:

Hòa thượng Thủ Sơn giờ gậy trúc trước chúng nói: “Này các ông, nếu gọi là gậy trúc thì xúc phạm, không gọi là gậy trúc thì trái nghịch. Vậy gọi là gì?”

Thủ Sơn Tĩnh Niệm (926-993) họ học và đắc pháp với ngài Phong Huyệt, dòng Lâm Tế. Thường tụng kinh Pháp Hoa nên còn có tên “Niệm Pháp Hoa.”

“Xúc phạm” và “Trái nghịch” ở đây là đối với lẽ thực.

Nếu nhận ra thể tánh thì có gọi hay không đều đúng. Công án này tương đương với VMQ 40 Đá Đỏ Tịnh Bình.

### BÌNH:

Gọi là gậy trúc thì xúc phạm, không gọi là gậy trúc thì trái nghịch; không được có nói, không được không nói. Đáp mau, đáp mau.

### TUNG:

*Gậy trúc giờ ra,*

*Lệnh ban tha giết.*

*Xúc nghịch cùng hòa,*

*Phật Tổ xin*

*tha.*

VMQ 44

## CÂY GẬY CỦA BA TIÊU

### Cử:

**Hòa thượng Ba Tiêu nói với tăng chúng:**

**- Các ông có cây gậy, tôi cho các ông cây gậy. Các ông không có cây gậy, tôi đoạt cây gậy của các ông.**

Ba Tiêu Huệ Thanh (885-960) đệ tử Nam Tháp Quang Dũng (850-938), người Triều Tiên, dòng Qui Nguỡng.

Khi đạt ngộ (có cây gậy) chắc chắn là chưa xong việc vì còn nông cạn, vì thế cần thiện hữu tri thức thúc đẩy thêm (cho cây gậy.) Khi sở ngộ được đào sâu và chín chắn, cần phải vượt lên một bậc và quên đi mình ngộ. Sự buông bỏ này gọi là “xóa bỏ dấu vết.” Do đó khi còn chút gì về là “xóa bỏ dấu vết” (không gậy) này thì càng phải buông dứt xóa sạch (đoạt gậy.)

BÌNH:

Để vịn qua khe khi cầu gãy, để tìm về xóm lúc không  
trăng<sup>198</sup>.

Nếu gọi đó là cây gậy thì vào địa ngục như tên bắn<sup>199</sup>.

TUNG:

Khấp cùng dầu sâu cạn,                      Cũng tùy tay nắm  
thôi.

Chọc trời cùng chống đất,                      Nếp nhà rạn  
nơi nơi.

\*

VMQ 45

## KẺ ẤY LÀ AI?

Cử:

[Ngũ Tô] Pháp Diễn ở Đông Sơn nói: “Thích Ca, Di  
Lặc còn là tôi đòi của kẻ ấy.”

**Thử hỏi kẻ ấy là ai?**

Ta có thể gọi kẻ ấy là Phật tánh, chân tâm... Nhưng điều  
quan trọng là trên bồ-đoàn cũng như trong đời thường

---

<sup>198</sup> Ngộ rồi qua đại dụng hiện tiền.

<sup>199</sup> Vẫn xử dụng sở ngộ nhưng không dính mắc.

đừng quên tập trung vào nhìn tâm hay từng động tác đi-đứng-ngồi-nằm hoặc công việc trước mắt.

### BÌNH:

Nếu thấy rõ kẻ ấy, ví như ở giữa ngã tư mà gặp ngay thân phụ mình, chẳng cần phải hỏi người khác xem đó có phải không.

Nếu thật sự nhận ra kẻ ấy tường tận thì ví như ở giữa ngã tư mà gặp ngay thân phụ mình.

### TUNG:

*Cung người chớ giương, Ngựa người chớ cười.*

*Người lầm chớ vạch, Người hay chớ màng<sup>200</sup>.*

VMQ 46

## ĐẦU SÀO TIẾN THÊM

### Cử:

Thạch Sương<sup>201</sup> nói: “Đầu sào trăm thước làm sao tiến thêm?”

---

<sup>200</sup> “Chớ biết đến việc người khác”, ý câu này đã bao gồm toàn bài tụng.



Có vị cổ đứ<sup>202</sup> lại nói:

*Đầu sào trăm thước đã ngời lên,*

*Thấy đạo mà chưa thật nhập chân.*

*Trăm thước đầu sào, cần bước nữa,*

*Muội phương thế giới hiện toàn thân.*

Đến được “Đầu sào trăm thước” tức đã ngộ, nhưng chưa đến được dụng (chưa thật nhập chân). Vẫn phải tu tiếp và quên đi sở đắc của mình, cho đến khi sạch tập khí thì “Muội phương thế giới hiện toàn thân” mới thực sự viên mãn.

BÌNH:

Bước thêm được, nhào thân được, còn ngại chỗ nào mà không xưng tôn? Tuy như vậy, thử hỏi đầu sào trăm thước làm sao tiến thêm? Hừ!

TUNG:

*Mù mắt trên chóp trán, Nhận làm hướng sao soi.*

*Liều thân mà bỏ mạng, Đưa mù dẫn lũ đui.*

---

<sup>201</sup> Thạch Sương: (986-1039) Pháp danh Sở Viên, thợ và đắc pháp với ngài Phần Dương, giòng Lâm Tế. Có nơi cho rằng đây là Thạch Sương Khánh Chư (807-888).

<sup>202</sup> Trường Sa Cảnh Sầm (? -868) đệ tử Nam Tuyền Phổ Nguyên (748-835)

VMQ 47

## BA CỬA CỦA ĐÂU SUẤT

### Cử:

**Hòa Thượng Đâu Suất đặt ra ba cửa để hạch hỏi người học:**

Đâu Suất Tùng Duyệt: (1044-1091) thọ học và đắc pháp với ngài Bảo Phong Khắc Văn Chân Tịnh (1025-1102, dòng Lâm Tế.

**- Lặn lội tìm học, chỉ mưu thấy tính, vậy ngay đây tính ở đâu?**

Một khi ngân ngừ thì lằm qua mắt.

**- Biết được tự tính mới thoát sinh tử, vậy khi nhắm mắt buông tay làm sao thoát?**

Không Hải thuộc tông Chân Ngôn Nhật Bản TK 9 đã nói: “Khi chết đến tôi không có ở đó. Khi tôi đang ở đó thì chết không đến.” Như vậy thì không có gì phải lo.

**- Thoát được sinh tử mới biết chỗ mình đi, vậy khi tứ đại tan rã, mình đi đâu?**

Thấy tánh rồi, như một thiền sư đã nói: “Nơi tôi không có sinh tử,” thì đâu có vấn đề đi đâu.

## BÌNH:

Nếu nơi đây mà hạ được ba câu chuyện ngữ thì ở đâu cũng làm chủ được, nơi nào cũng là nhà được. Còn nếu chưa, đồ ăn dở dễ no, nhai kỹ khó đói.

## TUNG:

*Một niệm xem cùng vô lượng kiếp,  
Chuyện đời vô lượng chính là đây.  
Giờ đây một niệm hằng nom thấy,  
Là thấy ai kia thấy niệm này.*

\*

VMQ 48

## MỘT ĐƯỜNG CỦA CÀN PHONG

### Cử:

**Một vị tăng hỏi hòa thượng Càn Phong:**

**“Chư Bạc Già Phạm<sup>203</sup> mười phương cũng chỉ một đường Niết bàn, không biết đầu đường ở đâu?”**

---

<sup>203</sup> Bạc Già Phạm: Bhagavat, một đức hiệu của Phật, bậc Đại Tự Tại, đại Trang Nghiêm...

Càn Phong Việt Châu thọ học và đắc pháp với ngài Động Sơn Lương Giới (807-869), tổ tông Tào Động.

Vị tăng nêu câu hỏi để biết chỗ vào.

**Sư cầm gậy vạch một đường nói: “Đây!”**

Sư lôi vị tăng trở về thực tại trước mắt, không đâu xa và chỗ nào cũng có.

**Sau có vị tăng đem chuyện ấy hỏi Vân Môn. Vân Môn cầm quạt giơ lên bảo:**

**- Quạt nhảy một cái lên tận tầng trời thứ ba mươi ba, gõ lỗ mũi Đế Thích<sup>204</sup>. Con lý ngư ngoài biển Đông đánh một hèo, trời mưa như trút.**

Đây là ảnh dụ khi thời tiết nhân duyên chín muồi thì đạt ngộ.

BÌNH:

Một người đi dưới biển sâu, bụi bay mù mịt; một người đứng trên đỉnh cao, sóng trắng ngất trời. Nằm đứng, buông đi, mỗi bên đều trở ngón mà nêu rõ tông phong. Thật giống hai con ngựa chạy đụng vào nhau. Trên đời e chẳng ai rõ được lẽ đó.

---

<sup>204</sup> Đế Thích: Indra, vua trời Đạo Ly, cõi dục giới, gồm cảnh 33. Ngài có uyện với Phật là sẽ hộ trì Tam Bảo.

Xét lại cho kỹ, cả hai ông lão cũng không biết đầu đường ở đâu.

TUNG:

*Chưa bước chân đi đã đến rồi<sup>205</sup>,  
Môi chưa hé mở đã nên lời<sup>206</sup>.  
Cho dù trăm việc đều như thế,  
Còn một đường lên phải biết nơi<sup>207</sup>.*

\*

---

<sup>205</sup> Đạo không đến không đi, cho nên nói Đạo-ma chứ hề đến Đông độ.

<sup>206</sup> Đạo là vô ngôn nên không cần hé môi.

<sup>207</sup> Thực nghĩa của Thiền thì phải vượt lên nữa.

## MỤC LỤC

1 CON CHÓ của TRIỆU CHÂU	1
2 Con CHỒN HOANG của BÁ TRƯỞNG	5
3 NGÓN TAY của CÂU CHI	13
4 NGƯỜI HỒ KHÔNG RÂU	15
5 HƯƠNG NGHIÊM LEO CÂY	16
6 THỂ TÔN NIÊM HOA	18
7 TRIỆU CHÂU RỬA BÁT	20
8 HỀ TRỌNG CHẾ TẠO XE	22
9 PHẬT ĐẠI THÔNG TRÍ THẮNG	23
10 THANH THOÁT NGHÈO KHỔ	25
11 TRIỆU CHÂU khám CHỦ AM	26
12 THỌẠI NHAM gọi ÔNG CHỦ	28
13 ĐỨC SƠN BỤNG BÁT	30
14 NAM TUYỀN CHÉM MÈO	32
15 BA GẬY của ĐỘNG SƠN	34
16 NGHE CHUÔNG MẶC ÁO	36
17 QUỐC SƯ GỌI BA LẦN	37
18 BA CÂN GAI của ĐỘNG SƠN	39

19 TÂM BÌNH THƯỜNG là ĐẠO	41
20 NGƯỜI ĐẠI LỰC SĨ	42
21 VÂN MÔN - que cút khô	43
22 CA-DIỆP và CÂY PHƯỚC	43
23 KHÔNG NGHĨ THIÊN ÁC	45
24 LÌA KHỎI NÓI NĂNG	47
25 TÒA THỨ BA NÓI PHÁP	48
26 HAI TẶNG CUỐN RÈM	49
27 KHÔNG PHẢI TÂM KHÔNG PHẢI PHẬT	50
28 CÂY ĐUỐC CỦA LONG ĐÀM	51
29 CHẴNG PHẢI GIÓ CHẴNG PHẢI PHƯỚC	53
30 TỨC TÂM TỨC PHẬT	55
31 TRIỆU CHÂU KHÁM PHÁ BÀ LÃO	55
32 NGOẠI ĐẠO HỎI PHẬT	57
33 CHẴNG TÂM, CHẴNG PHẬT	58
34 TRÍ CHẴNG PHẢI ĐẠO	58
35 CÔ THANH LÀ HỒN	59
36 GẶP NGƯỜI ĐẮC ĐẠO	60
37 CÂY BÁCH TRƯỚC SÂN	61
38 TRÂU QUA KHUNG CỬA	62

39 VÂN MÔN SẦY LỜI	63
40 ĐÁ ĐỔ TỊNH BÌNH	64
41 ĐẠT MA AN TÂM	66
42 NỮ NHÂN XUẤT ĐỊNH	67
43 GẬY TRÚC CỦA THỦ SƠN	69
44 CÂY GẬY CỦA BA TIÊU	70
45 KẼ ẤY LÀ AI?	71
46 ĐẦU SÀO TIẾN THÊM	72
47 BA CỬA CỦA ĐẬU SUẤT	72
48 MỘT ĐƯỜNG CỦA CÀN PHONG	73

\*